BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tài liệu

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN Ở VIỆT NAM

Tập thể tác giả: TS. Mai Thanh Dung, TS. Lại Văn Mạnh, ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền, ThS. Phạm Ánh Huyền, ThS. Nguyễn Thế Thông, Ths. Nguyễn Trọng Hạnh

Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường

HÀ NỘI - 2023

MỤC LỤC

Danh mục hình iii
Danh mục bảng iii
Mở đầu 1
1. MỘT SỐ NHẬN THỨC LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ KINH TẾ TUẦN HOÀN 2
1.1. Một số động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn trên thế giới 2
1.2. Một số khái niệm về kinh tế tuần hoàn 3
1.3. Một số đặc trưng cơ bản của kinh tế tuần hoàn 6
2. KINH NGHIỆM VỀ XÂY DỰNG LỘ TRÌNH THỰC HIỆN KINH TẾ TUẦN HOÀN 14
2.1. Kinh nghiệm của Liên minh Châu Âu và các quốc gia thành viên 15
2.2. Kinh nghiệm của Úc 17
2.3. Kinh nghiệm của Trung Quốc 19
2.4. Kinh nghiệm của Nhật Bản 21
2.5. Kinh tế tuần hoàn của Hàn Quốc 24
2.6. Kế hoạch kinh tế tuần hoàn cho cộng đồng kinh tế ASEAN 25
2.7. Kinh nghiệm trong phát huy vai trò của một số công cụ chính sách quan trọng để thúc đẩy thực hiện KTTH 26
2.8. Kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc sử dụng các công cụ chính sách thúc đẩy thực hiện KTTH 31
2.9. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường 35
2.9.1. Bài học về chính sách chung trong thực hiện kinh tế tuần hoàn 35
2.9.2. Bài học về các ưu tiên xây dựng lộ trình thực hiện kinh tế tuần hoàn 36
3. KHUNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VÀ NHIỆM VỤ ĐẶT RA VỀ KINH TẾ TUẦN HOÀN Ở VIỆT NAM ĐẾN NAY 37
3.1. Các định hướng của Đảng và Nhà nước về kinh tế tuần hoàn 37
3.2. Hệ thống pháp luật về kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam 39
3.2.1. Kinh tế tuần hoàn trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 39
3.2.2. Quy định chi tiết về tiêu chí, lộ trình và cơ chế khuyến khích phát triển kinh tế tuần hoàn 40
3.3. So sánh hệ thống khung khổ pháp luật của Việt Nam với thế giới về kinh tế tuần hoàn 43

3.4. Thực tiễn áp dụng kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam 46
3.5. Thuận lợi, khó khăn trong áp dụng kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam 51
3.5.1. Thuận lợi 51
3.5.2. Khó khăn 52
4. BỐI CẢNH VÀ ĐỀ XUẤT QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN KINH TẾ TUẦN HOÀN 55
4.1. Bối cảnh 55
4.1.1. Bối cảnh quốc tế 55
4.1.2. Bối cảnh trong nước 56
4.2. Đề xuất một số quan điểm, giải pháp để thực hiện kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam 58
Kết luận và kiến nghị 63
Tài liệu tham khảo 66
Phụ lục 1. Tổng hợp lộ trình, tổ chức thực hiện KTTH trên thế giới 67
Phụ lục 2. Hệ thống hóa các quan điểm, chủ trương về KTTH được đề cập trong hệ thống các văn kiện, văn bản của Đảng và Nhà nước thời gian qua 73

Danh mục hình

Hình 1. Vị trí của quản lý chất thải với kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh 7
Hình 2. Các biện pháp ưu tiên để thực hiện kinh tế tuần hoàn 9
Hình 3. Tính hệ thống trong hình thành hệ sinh thái tuần hoàn..... 11

Danh mục bảng

Bảng 1. Các động lực giá trị của kinh tế tuần hoàn và các lợi ích liên quan đến người tiêu dùng..... 7
Bảng 2. Đặc trưng, động lực và khả năng nhân rộng, phát triển thành các mô hình kinh doanh tuần hoàn 10
Bảng 3. Lộ trình thực hiện KTTH của Úc đối với nhựa, thủy tinh, giấy và lốp xe 18
Bảng 4. Các lĩnh vực yên tiên trong tầm nhìn KTTH 2020 của Nhật Bản..... 22
Bảng 5. Ví dụ về tiêu chuẩn thúc đẩy kinh tế tuần hoàn 29
Bảng 6. Tổng hợp các chính sách thúc đẩy KTTH của Trung Quốc..... 32
Bảng 7. So sánh quy định, chính sách của Việt Nam với Trung Quốc và các quốc gia Châu Âu về KTTH 43
Bảng 8. Biểu hiện kinh tế tuần hoàn theo một số ngành, lĩnh vực ở Việt Nam . 46

Mở đầu

Chuyển đổi sang kinh tế tuần hoàn (KTTH) đang là một xu hướng mạnh mẽ ở nhiều quốc gia trên thế giới như EU, Trung Quốc và cả các quốc gia ASEAN bởi chính những lợi ích về cả kinh tế và môi trường. Thực hiện KTTH đang được xem là một đòn bẩy quan trọng để đạt được các mục tiêu quan trọng của các nhà hoạch định chính sách như tạo ra tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và giảm tác động môi trường, thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững [1], [2]. Phát triển các mô hình KTTH để sử dụng hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất là một trong những nhiệm vụ được chỉ ra nhằm thực hiện định hướng quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030 [3]. Thực hiện KTTH có thể xem là một trong những giải pháp đột phá để giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế với môi trường trong bối cảnh phát triển công nghiệp, đô thị, thay đổi mạnh mẽ về cách thức tiêu dùng và lối sống. Đặc biệt, trong bối cảnh nguồn cung nguyên liệu, nhiên liệu đang bị đứt gãy do giãn cách xã hội, thì việc chuyển đổi sang KTTH đang được bàn luận và xem như là một trong những giải pháp ứng phó hữu ích đối với tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng, gia tăng giá cả nguyên liệu, nhiên liệu do hệ quả của giãn cách xã hội do Đại dịch Covid-19 và bất ổn chính trị; qua đó góp phần nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế. Ở Việt Nam, thời gian gần đây, KTTH được quan tâm mạnh mẽ bởi Đảng, Nhà nước, cộng động đồng doanh nghiệp và cả người dân. Bên cạnh đưa KTTH vào trong các định hướng phát triển, quy định về kinh tế tuần hoàn cũng đã được luật hoá trong Luật Bảo vệ môi trường 2020 với 01 quy định riêng về KTTH (Điều 142) và nhiều quy định khác có vai trò thúc đẩy áp dụng KTTH và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường đã hướng dẫn về tiêu chí, lộ trình và cơ chế khuyến khích áp dụng KTTH. Việc sớm thể chế hoá quy định về KTTH trong chính sách, pháp luật đã nhận được sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, đồng thuận của giới khoa học và đã có những tín hiệu ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp đối với mô hình kinh tế nhiều tiềm năng này. Tuy nhiên, KTTH là vấn đề mới cả về lý luận, kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn trong nước, để chuyển đổi thành công sang KTTH Việt Nam vẫn còn phải giải quyết nhiều bài toán đặt ra từ hoàn thiện chính sách, phát triển công nghệ, thị trường… Bài viết "**Phát triển kinh tế tuần hoàn, một số vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam"** tập trung hệ thống hóa lại các chủ trương, chính sách và quy định pháp luật hiện hành về KTTH, vận dụng các nguyên tắc, giải pháp thúc đẩy KTTH để nhìn nhận các thuận lợi và khó khăn trong việc hiện thực hóa chủ trương, chính sách và quy định pháp luật về KTTH ở Việt Nam trong thời gian tới [4].

1. MỘT SỐ NHẬN THỨC LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ KINH TẾ TUẦN HOÀN

1.1. Một số động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn trên thế giới

Những động lực chính dưới đây được xem là lý do thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn trên thế giới.

Thứ nhất, xu hướng gia tăng dân số, quá trình đô thị hóa

Dân số ở đô thị trên thế giới đã tăng nhanh chóng từ 751 triệu người năm 1950 lên 4,2 tỷ người năm 2018. Các nghiên cứu do Liên hợp quốc thực hiện cho thấy 68% dân số thế giới dự kiến sẽ sống ở các khu vực thành thị vào năm 2050 (UNDSEA, 2020). Hiện nay, 22 trên tổng số 33 siêu đô thị (khu vực đô thị có tổng số trên 10 triệu dân trở lên) là nằm ở Châu Á và Châu Phi. Diễn đàn Kinh tế Thế giới dự đoán rằng đến năm 2030, sẽ có thêm 10 siêu đô thị và 9 trong số đó sẽ nằm trên hai lục địa này (World Economic Forum, 2019).

Khu vực đô thị đóng vai trò là trung tâm kinh tế của mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ đang đối mặt với tình trạng quá tải, tắc nghẽn giao thông, phát sinh chất thải, chất lượng cung cấp năng lượng, ô nhiễm không khí và bất bình đẳng thu nhập. Đô thị hóa nhanh gây ra sự áp lực đối với nhà ở và cơ sở hạ tầng giao thông hiện có, và các dịch vụ thiết yếu như y tế và giáo dục; thu hẹp diện tích đất nông nghiệp, các dịch vụ hệ sinh thái và đa dạng sinh học ... kéo theo tác động đến sản xuất lương thực và khả năng chống chịu với khí hậu.

Ngoài việc gia tăng dân số và mở rộng của khu vực thành thị, "nhập cư" của người dân từ nông thôn ra thành thị gây ra tốc độ đô thị hóa nhanh chóng. Ở một số quốc gia Châu Á Thái Bình Dương, nguyên nhân diễn ra tình trạng di cư từ các khu vực nông thôn đến thành phố là do cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, thiên tai, xung đột dân sự, đói nghèo và các áp lực khác đối với khu vực nông thôn(Anh, 2003). Các nền kinh tế trong bối cảnh nông thôn và thành thị cần được hỗ trợ hoặc hợp tác để giảm thiểu di cư đến các thành phố.

Thứ hai, sự chuyển dịch về tiêu dùng và thương mại

Sự gia tăng về thu nhập kéo theo khả năng chi trả của người tiêu dùng, nhu cầu về nhiều hàng hóa và dịch vụ đang tăng lên nhanh chóng. Nhu cầu tiêu dùng gia tăng và đầu tư vào cơ sở hạ tầng trong triển vọng sẽ thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên, trong quá trình này, sẽ có một sự căng thẳng ngày càng tăng đối với các nguồn tài nguyên thiên nhiên và vốn trên toàn cầu, khối lượng chất thải phát sinh gia tăng mạnh.

Thương mại toàn cầu đóng một vai trò thiết yếu trong sự di chuyển của nguyên vật liệu, bao gồm tài nguyên (ví dụ: than đá), sản phẩm (ví dụ: ô tô), chất thải. Trong những năm qua, dòng nguyên vật liệu toàn cầu ngày càng tăng. Những tiến bộ trong công nghệ truyền thông, hậu cần và chuỗi cung ứng, quan hệ địa chính trị được cải thiện và mở cửa thương mại hơn là những yếu tố tạo ra gia tăng này.

Đã có sự thay đổi trong các sản phẩm được giao dịch hiện nay (Modak, 2021). Thương mại quốc tế của các sản phẩm "ngoại lai" dưới các chủng loại rau tươi, trái cây và hoa đã tăng lên đáng kể trong thập kỷ qua, bên cạnh sự bùng nổ xuất khẩu các sản phẩm phụ như nhiên liệu sinh học làm từ cây trồng. Những hoạt động như vậy đã dẫn đến một loạt các vấn đề sinh thái ở các vùng khô hạn và nửa khô.

Các dòng thương mại đã dẫn đến các động lực thúc đẩy tiêu dùng vượt qua ranh giới địa chính trị, do đó làm nảy sinh các vấn đề liên quan đến cung cấp tài nguyên, sinh kế và tính bền vững.

Thứ ba, cạn kiệt tài nguyên, gia tăng chất thải, suy thoái môi trường và đa dạng sinh học

Trong vài thập kỷ qua, mối liên hệ giữa tăng trưởng kinh tế với việc phát sinh chất thải và phát thải Khí nhà kính (GHG) đã được nghiên cứu và quan sát. Chúng ta càng tiến bộ về kinh tế thì càng có nhiều rủi ro đối với các hệ sinh thái bị phá hủy, mất đa dạng sinh học và sự nóng lên toàn cầu. Xu hướng tách biệt xảy ra khi tốc độ tăng của áp lực môi trường (ví dụ, phát thải khí nhà kính) nhỏ hơn tốc độ tăng trưởng của động lực kinh tế (ví dụ, GDP bình quân đầu người) trong một thời kỳ nhất định (Office for National Statistics, 2019).

Ngoài phát sinh chất thải bình quân đầu người, phát thải KNK cũng được coi là chỉ số quan trọng dùng để nhận biết xu thế tách rời. Các quốc gia có khung chính sách hỗ trợ năng lượng tái tạo và giảm thiểu biến đổi khí hậu có xu hướng cho thấy xu thế tách rời lớn hơn giữa phát thải KNK và GDP. Mối quan hệ mật thiết giữa phát thải KNK và xu hướng GDP ở các quốc gia này cũng trở nên yếu hơn nhiều trong hai thập kỷ qua so với các thập kỷ trước(von Weizsacker et al., 2014).

1.2. Một số khái niệm về kinh tế tuần hoàn

Mặc dù còn nhiều tranh luận khác nhau về KTTH, nhưng thông qua nhiều nghiên cứu của các nhà khoa học, diễn đàn của các tổ chức quốc tế về cơ bản khái niệm về KTTH đã dần được sáng tỏ. Một số định nghĩa tiêu biểu được sử dụng và cộng nhận phổ biến trên thế giới dưới đây cho thấy KTTH đã đạt được sự đồng khá cao về lý luận.

Liên minh Châu Âu định nghĩa: *"Kinh tế tuần hoàn là duy trì giá trị của sản phẩm, vật liệu lâu nhất có thể trong nền kinh tế, và hạn chế chất thải, thông qua việc áp dụng hệ thống phân cấp chất thải như được nêu trong Điều 4 của Chỉ thị 2008/98/EC của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng"*.

Luật Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn của Trung Quốc 2009 đã đưa ra quan điểm rằng KTTH là thuật ngữ chung cho các hoạt động giảm thiểu, tái chế và phục hồi tài nguyên trong sản xuất, tuần hoàn và tiêu dùng. Theo đó, KTTH hướng đến giảm thiểu có nghĩa là giảm tiêu thụ tài nguyên và phát sinh chất thải trong sản xuất, tuần hoàn và tiêu dùng; tái chế có nghĩa là việc sử dụng trực tiếp chất thải làm sản phẩm hoặc sử dụng chất thải làm sản phẩm sau khi sửa chữa, cải tạo hoặc tái sản xuất, hoặc việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần chất thải như một phần của các sản phẩm khác; và phục hồi tài nguyên có nghĩa là sử dụng trực tiếp chất thải làm nguyên liệu thô hoặc tái tạo chất thải.

Khái niệm KTTH do tổ chức Ellen MacArthur Foundation trình bày tại Hội nghị Kinh tế toàn cầu năm 2012 cũng là một quan điểm được thừa nhận rộng rãi: *"KTTH là một hệ thống có tính tái tạo và khôi phục thông qua các kế hoạch và thiết kế chủ động. Nó thay thế khái niệm "kết thúc vòng đời" của vật liệu bằng khái niệm khôi phục, chuyển dịch theo hướng sử dụng năng lượng tái tạo, không dùng các hóa chất độc hại gây tổn hại tới việc tái sử dụng và hướng tới giảm thiểu chất thải thông qua việc thiết kế vật liệu, sản phẩm, hệ thống kỹ thuật và cả các mô hình kinh doanh trong phạm vi của hệ thống đó"* (Ellen MacArthur Foundation, 2012: 7).

Ủy ban Châu Âu (EC, 2016) cho rằng *"trong KTTH giá trị của sản phẩm và nguyên vật liệu được duy trì càng lâu càng tốt. Việc sử dụng tài nguyên và chất thải được giảm thiểu và khi một sản phẩm hết tuổi thọ, nó sẽ được sử dụng lại để tạo ra giá trị tiếp theo. Điều này có thể mang lại những lợi ích kinh tế lớn, góp phần vào đổi mới, tăng trưởng và tạo việc làm"*.

Theo Kraaijenhagen, Van Oppen & Bocken (2016): *"KTTH là một hệ thống kinh tế nơi các sản phẩm và dịch vụ được giao dịch trong các vòng khép kín hoặc chu kỳ khép kín"*.

Theo Singh và Ordonez (2016): *"KTTH là một chiến lược kinh tế nhằm thúc đẩy cách thức sáng tạo để chuyển đổi hệ thống tiêu thụ tuyến tính hiện tại thành một vòng tròn, thông qua tiết kiệm vật liệu"*.

Trong báo cáo nghiên cứu của mình, tổ chức Arcadis (2016) có nêu: *"KTTH*

là một khái niệm trong đó tăng trưởng và thịnh vượng được tách rời khỏi việc tiêu dùng tài nguyên thiên nhiên và suy thoái hệ sinh thái. Bằng cách không vứt bỏ các sản phẩm đã qua sử dụng, nguyên vật liệu, thay vào đó là định tuyến lại chúng theo chuỗi giá trị phù hợp, chúng ta có thể tạo ra một xã hội phát triển kinh tế cân bằng với tự nhiên".

Các nhà nghiên cứu nổi tiếng Haupt, M., Vadenbo, C. và Hellweg (2017) cũng quan niệm *"KTTH là một hệ thống sản xuất và tiêu thụ với tổn thất tối thiểu về vật liệu và năng lượng thông qua việc tái sử dụng, tái chế và phục hồi trên diện rộng*".

Nhà nghiên cứu Rizos và cộng sự (2017) cho rằng KTTH tập trung vào khía cạnh tài nguyên trong nền kinh tế, hạn chế, tái sử dụng nguyên liệu phục vụ cho nền kinh tế và sử dụng chất thải làm tài nguyên với mục đích giảm tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên.

Tổ chức Phát triển công nghiệp Liên hiệp quốc (UNIDO) cho rằng *"KTTH là một cách mới để tạo ra giá trị, và hướng tới mục tiêu cao nhất là sự thịnh vượng. Nó hoạt động bằng cách kéo dài vòng đời sản phẩm thông qua việc cải tiến thiết kế và bảo dưỡng, chuyển chất thải từ điểm cuối chuỗi cung ứng trở lại điểm đầu – qua đó, sử dụng các tài nguyên hiệu quả hơn bằng cách sử dụng nhiều lần chứ không chỉ một lần"* (UNIDO, 2017:3).

Geissdoerfer và cộng sự (2017) đã đưa ra một cách nhìn cụ thể về KTTH, đó là *"một hệ thống mà trong đó tài nguyên đầu vào và chất thải, phát thải, hao hụt năng lượng được giảm thiểu thông qua việc làm chậm, làm hẹp và khép kín các vòng vận động của vật liệu và năng lượng. Điều này có thể đạt được thông qua các thiết kế có tính dài hạn, bảo dưỡng, sửa chữa, tái sử dụng, tái sản xuất, làm mới và tái chế"*. Khái niệm này rất gần với quan điểm tiếp cận KTTH theo 9R của Chính phủ Hà Lan (2017).

Chương trình Môi trường Liên hiệp quốc (UNEP) định nghĩa *"KTTH đề cập đến một nền kinh tế nơi giá trị của sản phẩm, nguyên vật liệu và tài nguyên được duy trì trong nền kinh tế lâu nhất có thể và đồng thời giảm tối thiểu chất thải"* (IRP, 2020). Theo đó, cả Chương trình Môi trường Liên hiệp quốc (UNEP) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đều cho rằng kinh tế tuần hoàn *"là cách tốt nhất để phá vỡ mối liên hệ lâu nay giữa tăng trưởng kinh tế và các ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường".*

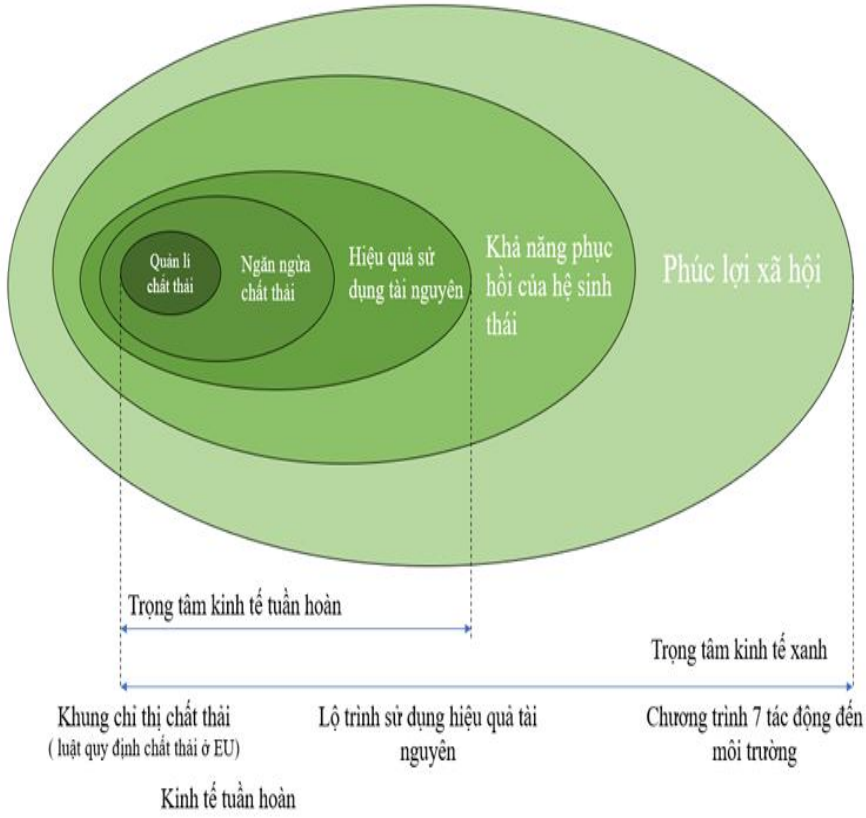
Trên cơ sở các định nghĩa của các tổ chức quốc tế có uy tín, Luật Bảo vệ môi trường 2020 của Việt Nam đã kế thừa và định nghĩa như sau: *"Kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường"* (Khoản 1, Điều 142, Luật BVMT 2020).

1.3. Một số đặc trưng cơ bản của kinh tế tuần hoàn

Trên cơ sở các định nghĩa và đúc rút của các học giả, các tổ chức quốc tế về đặc trưng của KTTH có thể thấy một số đặc điểm cơ bản sau cần lưu ý khi thể chế hóa, xây dựng lộ trình về KTTH:

- KTTH thúc đẩy quá trình chuyển đổi từ mô hình kinh tế tuyến tính - chỉ quan tâm đến việc khai thác tài nguyên, sản xuất và vứt bỏ sau tiêu thụ, dẫn đến việc tạo ra một lượng phế thải khổng lồ sang mô hình chú trọng việc quản lý và tái tạo tài nguyên theo một vòng khép kín nhằm tránh tạo ra phế thải.

- KTTH không chỉ là quản lý chất thải nhưng quản lý chất thải là trọng tâm của thực hiện KTTH, thông qua thực hiện KTTH sẽ góp phần quan trọng để hướng đến các mục tiêu ưu tiên là giảm sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, giảm chất thải phát sinh và giảm tác động xấu đến môi trường. KTTH chính là một phần quan trọng của kinh tế xanh - nền kinh tế vừa mang lại hạnh phúc cho con người và công bằng xã hội, vừa giảm thiểu đáng kể các nguy cơ về môi trường và suy giảm sinh thái như mô tả ở hình 1 [5].



Nguồn: Idiano D'Adamo, 2019

Hình 1. Vị trí của quản lý chất thải với kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh

- KTTH là một hệ thống công nghiệp được phục hồi và tái tạo theo thiết kế, dựa trên 3 nguyên tắc chính là duy trì và tăng cường vốn tự nhiên; tối ưu hóa năng suất tài nguyên và thúc đẩy hiệu suất toàn hệ thống bằng cách tối thiểu các ngoại ứng tiêu cực ở tất cả các cấp độ nỗ lực khác nhau ngay từ khi thiết kế sản phẩm, thiết kế quy trình sản xuất, phân phối, thu hồi chất thải. Trong KTTH giá trị của sản phẩm, nguyên vật liệu và tài nguyên được duy trì trong nền kinh tế càng lâu càng tốt và tạo ra chất thải tối thiểu". Bảng 1 cho thấy những động lực giá trị của KTTH và lợi ích tương ứng đối với người tiêu dùng thông qua các phương pháp khác nhau.

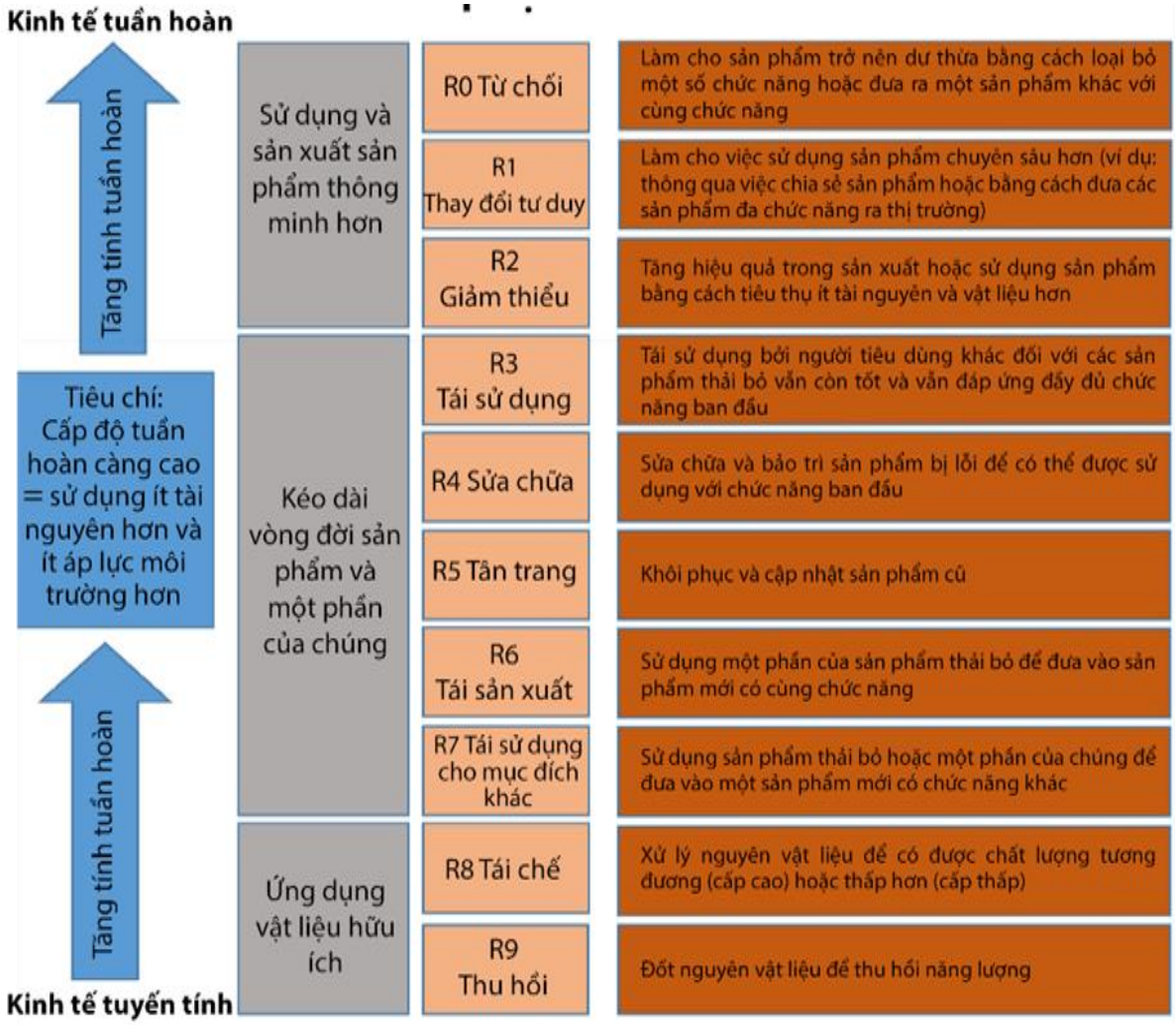
Bảng 1. Các động lực giá trị của kinh tế tuần hoàn và các lợi ích liên quan đến người tiêu dùng

Động lực về giá trị	Phương pháp
Kéo dài thời gian và chu trình sử dụng của các tài sản	- Thiết kế để kéo dài tuổi thọ, làm cho sản phẩm tồn tại lâu hơn

Động lực về giá trị	Phương pháp
	- Thiết kế để có thể tái chế dễ dàng hơn - Thiết kế để dễ dàng sửa chữa và nâng cấp - Bao gồm hướng dẫn để bảo trì
Tăng cường tính hữu ích của các tài sản hoặc tài nguyên	- Tăng cường việc chia sẻ các tài sản - Tăng cường năng suất tài nguyên - Hạn chế các tác động tiêu cực
Vòng lặp hoặc phân tầng tài sản thông qua tuần hoàn sử dụng bổ sung	- Tái sử dụng nguyên liệu - Tái chế nguyên liệu, vật liệu đã qua sử dụng để làm nguyên liệu thô đầu vào - Tân trang các tài sản
Tái tạo vốn tự nhiên	- Trả lại chất dinh dưỡng sinh học cho đất - Hạn chế, tránh xói mòn đất - Tái tạo lại chất dinh dưỡng của đất - Duy trì đa hệ sinh thái đại dương

Nguồn: Anbumozhi, 2018

- Các biện pháp thực hiện KTTH rất đa dạng thông qua các nhiều hình thức khác nhau như như từ chối sử dụng các sản phẩm gây hại cho môi trường, áp dụng các biện pháp sửa chữa, tái sử dụng, tái sản xuất, tái chế, cộng sinh công nghiệp để đạt được mục tiêu giảm tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế tối đa lượng chất thải thải ra môi trường. Hình 2 cho thấy các biện pháp theo thứ tự ưu tiên để thực hiện KTTH



Nguồn: Adapted from Potting et al., (2017, p. 5).

Hình 2. Các biện pháp ưu tiên để thực hiện kinh tế tuần hoàn

- KTTH là mô hình kinh tế có thể xem xét ở nhiều cấp độ khác nhau như cấp vĩ mô (một quốc gia, một vùng), cấp độ trung gian (meso) theo không gian của một khu đô thị để hình thành ra khu đô thị tuần hoàn, cấp độ vi mô theo từng doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh cụ thể hoặc cấp độ từng sản phẩm (nano). Theo đó, ở cấp vĩ mô, KTTH nên được xem là một cách tiếp cận để mỗi quốc gia, mỗi vùng lãnh thổ hoặc doanh nghiệp khi thiết kế các mô hình cụ thể cần lồng ghép các mục tiêu, biện pháp của KTTH vào ngay trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chương trình phát triển, hoàn thiện các công cụ chính sách để thúc đẩy thực hiện KTTH. Ở cấp độ vi mô, các doanh nghiệp chủ động sáng tạo vận dụng KTTH vào quá trình xây dựng dự án kinh doanh, thiết kế từng sản phẩm của mỗi doanh nghiệp để hình thành ra các mô hình kinh doanh tuần hoàn, Bảng 2 cho thấy 05 nhóm mô hình kinh doanh tuần hoàn phổ biến được hình thành và phát triển.

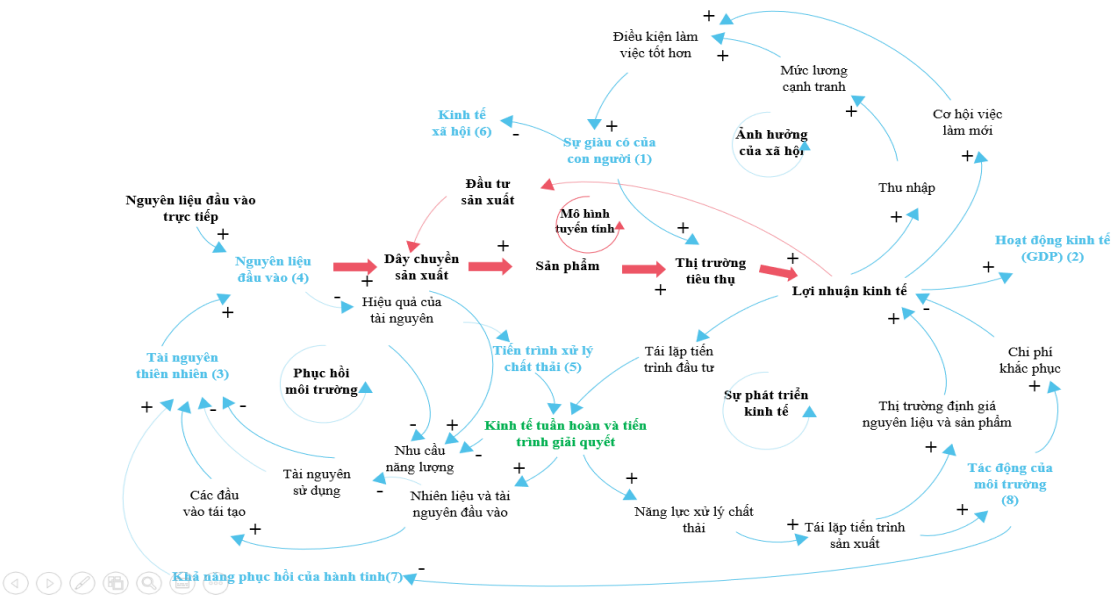
Bảng 2. Đặc trưng, động lực và khả năng nhân rộng, phát triển thành các mô hình kinh doanh tuần hoàn

Loại mô hình	Mô hình cung cấp tuần hoàn	Phục hồi tài nguyên	Kéo dài vòng đời sản phẩm	Chia sẻ	Hệ thống dịch vụ sản phẩm
Đặc điểm chính	Thay thế các nguyên liệu đầu vào truyền thống bằng các nguyên liệu tái tạo, dựa trên sinh học, phục hồi	Sản xuất nguyên liệu thô thứ cấp từ chất thải	Gia tăng tuổi thọ sản phẩm	Tăng cường sử dụng các sản phẩm và dịch vụ hiện có	Cung cấp dịch vụ thay vì cung cấp sản phẩm. Quyền sở hữu sản phẩm vẫn thuộc về nhà cung cấp
Động lực về hiệu quả tài nguyên	Tái sử dụng nguyên vật liệu	Tái sử dụng nguyên vật liệu	Gia tăng tái sử dụng nguyên vật liệu	Thu hẹp vòng tròn tài nguyên	Thu hẹp vòng tròn tài nguyên
Các loại mô hình kinh doanh	Mô hình tuần hoàn	Cộng sinh công nghiệp	Gia tăng tuổi thọ	Đồng sở hữu	Sản phẩm định hướng
		Tái chế	Tái sử dụng trực tiếp	Đồng truy cập	Hướng đến người dùng
		Chế tác đồ cũ	Sửa chữa		Định hướng kết quả
		Tái chế	Nâng cấp		
			Tái sản xuất		
Các lĩnh vực/ngành		Kim loại	Ô tô	Chỗ ở ngắn hạn	Vận chuyển

Loại mô hình	Mô hình cung cấp tuần hoàn	Phục hồi tài nguyên	Kéo dài vòng đời sản phẩm	Chia sẻ	Hệ thống dịch vụ sản phẩm
hiện áp dụng hoặc có tiềm năng áp dụng	Các lĩnh vực sản phẩm tiêu dùng đa dạng	Giấy và bột giấy	Máy móc	Vận tải , Năng lượng	Hóa chất
		Nhựa	Thiết bị điện tử	Máy móc	Năng lượng
				Sản phẩm tiêu dùng	

Nguồn: tổng hợp 2022

- Thực hiện KTTH là một tiến trình chuyển dịch từ các mô hình tuyến tính sang các mô hình tuần hoàn gắn với đặc trưng riêng của từng quốc gia, vùng miền, loại hình, quy mô và đặc trưng trong sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp. Do đó, việc thực hiện và đo lường KTTH rất đa dạng, khó có thể xác định các ngưỡng hay đích đến chung cho tất cả các cấp độ.



Nguồn: Bettina, 2020

Hình 3. Tính hệ thống trong hình thành hệ sinh thái tuần hoàn

- KTTH đòi hỏi phải có tư duy hệ thống để thiết kế hoạt động phát triển kinh tế nhằm mang lại các lợi ích cho doanh nghiệp, xã hội và môi trường để thúc đẩy các

tác nhân để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo (Hình 3). Thực hiện KTTH cần có sự tham gia của tất cả các bên liên quan từ khu vực nhà nước ở trung ương và địa phương, doanh nghiệp khai thác khoáng sản và nguyên liệu thô, các nhà chế biến, sản xuất, phân phối, bán lẻ, người tiêu dùng, người thu gom rác... Mỗi chủ thể đó đóng vai trò là tác nhân với các nỗ lực khác nhau để tạo ra một hoặc nhiều vòng lặp tuần hoàn. Tuy nhiên, khu vực công đóng vai trò quan trọng – là "nhạc trưởng của dàn nhạc" cần phát huy vai trò kiến tạo và thúc đẩy hệ sinh thái tuần hoàn, khuyến khích đổi mới sáng tạo trong áp dụng các biện pháp, phát triển các mô hình KTTH, kết nối các vòng lặp tuần hoàn một cách hệ thống và có chiến lược ngay từ khi thiết kế các định hướng phát triển.

- Thực hiện KTTH cần tôn trọng các nguyên tắc, quy luật của kinh tế thị trường trong việc thể chế hóa các quy định để thúc đẩy thực hiện kinh tế tuần hoàn. Do đó, hệ thống quy định pháp luật, cơ chế, chính sách hướng đến tạo hành lang pháp lý cho hình thành, phát triển các yếu tố thị trường, các dạng thị trường và hoạt động của các chủ thể thị trường; điều tiết hành vi của các chủ thể, qua đó điều tiết hoạt động của nền kinh tế và can thiệp giải quyết những khiếm khuyết của thị trường… trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc, quy luật như giá trị, cạnh tranh, cung cầu của KTTT để doanh nghiệp, giá cả và sản xuất được vận hành một cách tự nhiên theo quy luật cung - cầu của hàng hóa và dịch vụ hơn là sự can thiệp của Nhà nước.

1.4. Các lợi ích của việc áp dụng kinh tế tuần hoàn

Chuyển đổi từ nền kinh tế tuyến tính sang nền KTTH mang lại những lợi ích trong bối cảnh khủng hoảng tài nguyên, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong bối cảnh của biến đổi khí hậu, cụ thể:

- Cách tiếp cận này không chỉ là những điều chỉnh nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực của nền kinh tế truyền thống mà còn là sự thay đổi mang tính hệ thống, tạo ra khả năng phục hồi lâu dài, cơ hội kinh doanh mới và cho cả nền kinh tế, lợi ích môi trường và xã hội.

- Là giải pháp để thực hiện mục tiêu sản xuất và tiêu dùng bền vững (SDG 12) bằng việc giảm tỷ lệ khai thác và mức độ suy thoái tài nguyên; nâng cao nhận thức của người dân về tái sử dụng, tái chế và hạn chế tiêu dùng các mặt hàng sử dụng một lần không cần thiết; mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất để hỗ trợ thực hiện 100% tỷ lệ tái chế nguyên liệu... qua đó hiện thực hóa mục tiêu sản xuất,

tiêu dùng bền vững và tác động lan tỏa đến các mục tiêu khác của 17 mục tiêu SDGs đến năm 2030.

- Là hợp phần để đưa các quốc gia hướng đến nền kinh tế xanh - nền kinh tế vừa mang lại hạnh phúc cho con người và công bằng xã hội, vừa giảm thiểu đáng kể các nguy cơ về môi trường và suy giảm sinh thái" (UNEP, 2011). Trong KTTH là hợp phần để hướng đến các mục tiêu rộng hơn là phục hồi các hệ sinh thái, mang lại phúc lợi xã hội cho con người hay chính là kinh tế xanh.

- Áp dụng KTTH trong bối cảnh mới, công nghệ mới là cơ hội để hình thành thành xu hướng tách rời giữa tăng trưởng kinh tế, phúc lợi xã hội với giảm thiểu sử dụng tài nguyên, tác động môi trường. Do đó, đây là cách thức để các quốc gia giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong bối cảnh của biến đổi khí hậu.

- KTTH mang lại những lợi ích trực tiếp cho các doanh nghiệp. Theo UNIDO Việt Nam, đặc tính của KTTH là việc biến rác thải của ngành này thành nguồn tài nguyên đầu vào cho ngành kia, đồng thời góp phần làm giảm phát thải khí nhà kính và biến đổi khí hậu. Mô hình KTTH đưa một phần hoặc toàn bộ chất thải về vòng sản xuất cũ, cấu trúc lại và sử dụng lại, do đó, góp phần giảm tiêu thụ nguyên liệu, thu hồi chất thải cho đầu vào sản xuất, giảm chi phí sản xuất cho doanh nghiệp.

- Chuyển đổi sang KTTH là cơ hội để tạo ra việc làm trong lĩnh vực dịch vụ và việc làm xanh (IISD, 3/2018). Năm 2014, Ủy ban Châu Âu ước tính KTTH đã tạo ra việc làm cho 3,9 triệu người và lạc quan về số lượng việc làm mới mà KTTH tạo ra. Năm 2018, ILO dự báo theo kịch bản KTTH lao động toàn thế giới sẽ tăng 0,1% vào năm theo kịch bản thông thường; lĩnh vực dịch vụ và quản lý chất thải sẽ tăng tương ứng 50 triệu người và 45 triệu người.

- Thực hiện kinh tế tuần hoàn góp phần giảm khai thác nguyên liệu, nhiên liệu; kéo dài vòng đời sản phẩm nên được xem là giải pháp giúp doanh nghiệp hạn chế những tác động tiêu cực của Đại dịch Covid-19 do sự đứt gẫy các chuỗi cung ứng nguyên liệu, nhiên liệu kéo theo gia tăng về giá cả của các mặt hàng thiết yếu.

- KTTH thúc đẩy quá trình chuyển đổi từ mô hình kinh tế tuyến tính - chỉ quan tâm đến việc khai thác tài nguyên, sản xuất và vứt bỏ sau tiêu thụ, hệ quả là tạo ra một lượng phế thải khổng lồ sang mô hình chú trọng việc quản lý và tái tạo tài nguyên theo một vòng khép kín nhằm tránh tạo ra phế thải, giảm tác động xấu đến môi trường.

- KTTH là một hệ thống công nghiệp được phục hồi và tái tạo theo thiết kế, dựa trên 3 nguyên tắc chính là duy trì và tăng cường vốn tự nhiên; tối ưu hóa năng suất tài nguyên và thúc đẩy hiệu suất toàn hệ thống bằng cách tối thiểu các ngoại ứng tiêu cực ở tất cả các cấp độ nỗ lực khác nhau. Theo đó, trong KTTH giá trị của sản phẩm, nguyên vật liệu và tài nguyên được duy trì trong nền kinh tế càng lâu càng tốt và tạo ra chất thải tối thiểu.

- KTTH tạo ra cơ hội mới và yêu cầu mới cho doanh nghiệp. Thông qua việc đổi mới, sáng tạo, áp dụng các nguyên tắc, biện pháp của KTTH, tận dụng các công nghệ, thiết bị và số hóa sẽ tạo ra các cơ hội cho doanh nghiệp để hình thành ra các mô hình kinh doanh tuần hoàn (OECD, 2003): (i) hình thành mối quan hệ với khách hàng thông qua việc cung cấp các dịch vụ thay vì bán sản phẩm; (ii) thiết kế sản phẩm hoặc quy trình sản xuất kinh doanh theo nguyên lý tuần hoàn; (iii) hình thành chuỗi giá trị tuần hoàn; (iv) bản sắc bền vững thông qua việc xem xét bán hàng theo nguyên lý tuần hoàn là cách tiếp cận độc đáo và hấp dẫn.

- KTTH đôi khi được coi là một cách để bảo vệ doanh nghiệp khỏi sự khan hiếm tài nguyên và biến động giá cả liên quan. KTTH tạo ra nhu cầu trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, nhận diện và đánh giá các nguyên liệu và sản phẩm.[1] Những nhu cầu chính như: công nghệ thu gom, phân loại và tái chế tiên tiến; công nghệ xử lý vật liệu hiệu quả; công nghệ sản xuất hỗ trợ thiết kế để lưu thông sản phẩm; nền tảng tương tác để tăng cường kết nối, chia sẻ. Dựa trên các nguyên tắc đó, các doanh nghiệp vận dụng các chiến lược tuần hoàn nguyên liệu, vật liệu có thể được áp dụng gồm: (i) đóng các vòng lặp thông qua thiết kế loại bỏ chất thải và ô nhiễm, loại bỏ việc khai thác, sử dụng các vật liệu; (ii) làm chậm vòng lặp nguyên vật liệu, giữ cho các vật liệu được sử dụng lâu dài; (iii) thu hẹp vòng lặp thông qua việc sử dụng ít hơn nguyên liệu, vật liệu nhưng cho nhiều mục đích hơn.

2. KINH NGHIỆM VỀ XÂY DỰNG LỘ TRÌNH THỰC HIỆN KINH TẾ TUẦN HOÀN

Thống kê sơ bộ trên thế giới cho thấy, đến nay ước tính có khoảng hơn 30 quốc gia/vùng lãnh thổ đã, đang và dự kiến sẽ xây dựng các lộ trình thực hiện KTTH dưới các tên gọi khác nhau như kế hoạch, chiến lược, lộ trình.

[1] Anbu (2020). Assessing the Readlines for Industry 4.0 and The circular economy, ERIA publication

2.1. Kinh nghiệm của Liên minh Châu Âu và các quốc gia thành viên

Một là, kế hoạch hành động KTTH lần thứ 2 của Liên minh Châu Âu:

Ủy ban Châu Âu ban hành Kế hoạch hành động KTTH lần thứ 2 kèm theo khung giám sát về KTTH và các chỉ tiêu về KTTH để định hướng cho toàn khối [6]. Kế hoạch hành động thực hiện KTTH của Liên minh Châu Âu không đặt ra mốc thời gian cụ thể nhưng mục tiêu chung EU đặt ra là đạt được mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học năm 2050. Các lĩnh vực vực được xác định gồm hóa chất, KTTH ở cấp độ toàn cầu, công nghiệp, ngành nhựa, phát triển bền vững, chất thải và tái chế.

Mục tiêu đặt ra của Kế hoạch bao gồm: (i) biến các sản phẩm bền vững trở thành tiêu chuẩn chung ở EU; (ii) trao quyền cho người tiêu dùng và người mua; (iii) tập trung vào các lĩnh vực sử dụng nhiều tài nguyên nhất và có tiềm năng tuần hoàn cao như: điện tử, công nghệ thông tin và truyền thông, pin, xe cộ, bao bì, nhựa, dệt may, xây dựng, thực phẩm và nước; (iv) Đảm bảo việc phát sinh ít chất thải hơn; (v) Áp dụng KTTH ở tất cả các cấp độ từ cá nhân cho đến vùng, thành phố; Dẫn đầu xu thế toàn thế giới trong việc chuyển đổi sang KTTH.

Hai là, Chương trình "Nền KTTH ở Hà Lan vào năm 2050"

Hà Lan đã đưa ra các kế hoạch phát triển bền vững đầy tham vọng, tập trung vào quản lý chất thải và mua sắm xanh. Chương trình Thỏa thuận xanh đã hỗ trợ hơn 200 dự án trong các lĩnh vực khác nhau. Các rào cản cho phát triển KTTH ở Hà Lan được xác định là thiếu các kiến thức để triển khai áp dụng KTTH và thiếu hụt nguồn lực tài chính. Các giải pháp đã được đưa ra trong chương trình KTTH ở Hà Lan đến năm 2050 với các lĩnh vực tập trung gồm: sinh khối và thức ăn, nhựa, công nghiệp sản xuất, xây dựng, hàng tiêu dùng. Mục tiêu được xác lập trong Chương trình này gồm 02 mốc thời gian chính: (i) trước 2030 đạt mục tiêu giảm 50% sử dụng các nguyên liệu thô sơ cấp (khoáng sản, hóa thạch và kim loại); (ii) trước 2050 các nguyên liệu thô sẽ được sử dụng và tái sử dụng một cách hiệu quả mà không có bất kỳ khí thải độc hại nào bị thải ra môi trường [7].

Ba là, lộ trình KTTH của Pháp: 50 biện pháp cho nền kinh tế 100%tuần hoàn

Ở Pháp, KTTH được tích cực triển khai bởi các luật và sáng kiến khác nhau, như Lộ trình phát triển KTTH (2018), Luật Kinh tế Xã hội và Đoàn kết (2014) và Đạo luật Chuyển đổi Năng lượng cho Tăng trưởng Xanh (2015). Hơn nữa, hiện

nay, hỗ trợ tài chính cho phát triển KTTH ở Pháp là rất lớn. Tuy nhiên, nhiều nhận định cho thấy nguồn hỗ trợ tài chính này sẽ giảm trong những năm tới, tạo gánh nặng cho khu vực tư nhân trong việc áp dụng KTTH. Lĩnh vực chính cần cải thiện hiện nay là tăng cường áp dụng KTTH trong tiêu dùng cá nhân.

Do đó, Bộ Sinh thái và chuyển đổi chất rắn đã ban hành lộ trình KTTH của Pháp: 50 biện pháp cho nền kinh tế 100%tuần hoàn. Lộ trình này tập trung vào các lĩnh vực chính gồm sản xuất tốt hơn, tiêu thụ tốt hơn, quản lý chất thải tốt hơn, thu hút tất cả các bên liên quan. Mục tiêu đặt ra trong lộ trình là trước 2025 giảm 50% lượng chất thải không nguy hại được chôn lấp so với năm 2010, 100% nhựa được tái chế; trước 2030 giảm 30% tiêu thụ tài nguyên so với GDP năm 2010 [7].

Bốn là, Chiến lược "Phần Lan hướng tới nền KTTH 2016-2025"

Phần Lan có tham vọng trở thành quốc gia dẫn đầu thế giới trong chuyển đổi sang nền KTTH vào năm 2025. Phần Lan hiện đang triển khai thực hiện các chính sách nổi bật về KTTH như Lộ trình chuyển đổi sang KTTH giai đoạn 2016 - 2025, Kế hoạch hành động triển khai thực hiện KTTH và Kế hoạch Quốc gia về Chất thải đến năm 2023. Các sáng kiến về KTTH được thực hiện thông qua các quy định pháp luật, các ưu đãi tài chính, tài trợ nghiên cứu&phát triển và các chính sách mua sắm công xanh. Tuy nhiên, gần đây, Phần Lan đang phải đối mặt với thách thức lớn là việc sụt giảm nguồn tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu&phát triển, theo đó hạn chế quá trình chuyển đổi sang nền KTTH [7].

Năm là, Chương trình Hiệu quả Tài nguyên II của Đức: Chương trình sử dụng bền vững và bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên [7]

Đức là quốc gia dẫn đầu trong lĩnh vực quản lý chất thải. Tuy nhiên, nhưng lại đang tụt hậu so với các quốc gia thành viên khác trong liên minh Châu Âu về việc thúc đẩy áp dụng KTTH ngoài lĩnh vực quản lý chất thải. Đức gần đây đã đưa ra một số chính sách tích hợp quan điểm vòng đời của sản phẩm như Chiến lược Phát triển bền vững (sửa đổi), Chương trình quốc gia về tiêu dùng bền vững, Chương trình sử dụng hiệu quả tài nguyên (sửa đổi). Các rào cản chính sách đối với phát triển KTTH ở Đức bắt nguồn từ các khoản đầu tư vào các cơ sở sản xuất năng lượng từ chất thải.

Bộ Liên bang về Môi trường, Bảo tồn Thiên nhiên, Xây dựng và An toàn Hạt nhân ban hành Chương trình Hiệu quả Tài nguyên II: Chương trình sử dụng bền vững và bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên với mục tiêu hướng đến là

năm 2020 và tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên gồm tài nguyên sinh học và phi sinh học, không gian vật lý (như đất), môi trường (nước, đất và không khí), tài nguyên dòng chảy (như địa nhiệt, gió, thủy triều và năng lượng mặt trời), và tất cả các sinh vật sống.

Mục tiêu đề ra của Chương trình hướng đến bao gồm: (i) Tăng gấp đôi năng suất nguyên liệu thô của Đức vào năm 2020 so với năm 1994 bằng cách: Kết hợp nhu cầu sinh thái với các cơ hội kinh tế, trọng tâm đổi mới và trách nhiệm xã hội; nhìn nhận nhiệm toàn cầu như một hướng dẫn chính của chính sách tài nguyên quốc gia; làm cho các hoạt động kinh tế và sản xuất ở Đức ngày càng phụ thuộc ít hơn vào các nguồn tài nguyên sơ cấp, đồng thời phát triển KTTH; đảm bảo việc sử dụng tài nguyên bền vững trong dài hạn bằng cách hướng dẫn xã hội hướng tới việc tăng trưởng có chất lượng.

Sáu là, Chiến lược Quốc gia về KTTH của Đan Mạch

Bộ Môi trường và Thực phẩm Đan Mạch ban hành Chiến lược Quốc gia về KTTH của Đan Mạch với mốc thời giand đặt ra vào năm 2022 đạt được các mục tiêu gồm: tăng cường vai trò của doanh nghiệp như một động lực để chuyển đổi tuần hoàn; hỗ trợ nền KTTH thông qua dữ liệu và số hóa; thúc đẩy nền KTTH thông qua thiết kế; thay đổi mô hình tiêu dùng thông qua nền KTTH; tạo ra một thị trường hoạt động thích hợp cho chất thải và nguyên liệu thô tái chế; thu hồi được nhiều giá trị hơn từ các tòa nhà xây dựng và sinh khối. [7]

Bảy là, Lộ trình KTTH của Bỉ.

Tại Bỉ khái niệm KTTH được thừa nhận rộng rãi trong các ngành kinh tế (chủ yếu là ngành hóa chất và xây dựng), cũng như trong các viện nghiên cứu và chính quyền các cấp. Các chính sách tiêu biểu thúc đẩy chuyển đổi sang KTTH như Chiến lược tuần hoàn của vùng Flanders, Mục tiêu chiến lược KTTH của vùng Flanders, Thỏa thuận xanh, Kế hoạch quản lý chất thải và tài nguyên vùng Wallonia, Chiến lược bền vững vùng Wallonia, Chính sách mua công bền vững và các chính sách về tái chế. [7]

2.2. Kinh nghiệm của Úc

Năm 2019, Cơ quan Khoa học Quốc gia Úc ban hành lộ trình quốc gia về nền KTTH đối với nhựa, thủy tinh, giấy và lốp xe. Lộ trình thực hiện tập trung vào đổi mới và tập hợp các bên có liên quan để nghiên cứu các cơ hội thực hiện

KTTH của Úc. Chi tiết lộ trình đặt ra cho 4 loại chất thải phổ biến trong nền kinh tế của Úc được trình bày tại Bảng 3 [8].

Bảng 3. Lộ trình thực hiện KTTH của Úc đối với nhựa, thủy tinh, giấy và lốp xe

Lĩnh vực	Tiến trình thời gian		
	2022	**2025**	**2030**
Nhựa	- Mua sắm của chính phủ - Công nghệ phân loại - Đầu tư cơ sở hạ tầng - Phát triển các tiêu chuẩn và ngành công nghiệp cam kết làm tăng nhu cầu thị trường	Các dự án trình diễn theo vùng đã cải thiện dữ liệu trên toàn bộ chuỗi cung ứng, thống nhất việc ghi nhãn nhất quán và nhu cầu giáo dục người tiêu dùng	-Tiêu chuẩn hóa hợp đồng chất thải, tỷ lệ thu hồi nhựa 80%, tái chế nguyên liệu thô quy mô thương mại
Thủy Tinh	- Phân loại tại nguồn thủy tinh không nhiễm bẩn - Hợp pháp hóa các tiêu chuẩn trực tuyến và nguyên tắc cần tuân thủ	-Đổi mới trong các sản phẩm tái chế và chế biến -sự gia nhập của các doanh nghiệp vừa và nhỏ	-Phục hồi 80% thủy tinh - Giảm đầu vào nguyên liệu thô xuống dưới 20% - coi tái chế là một dịch vụ thiết yếu
Giấy	- Phân loại tại nguồn giấy không bị nhiễm bẩn -hài hòa các tiêu chuẩn hiện có - Nhu cầu nội địa mới về các sản phẩm giấy được thu hồi	- Cơ sở khu vực để tái chế sợi - 100% bao bì để tái sử dụng, tái chế hoặc làm phân trộn - Mục tiêu quốc gia và theo dõi dữ liệu	-Tỷ lệ phục hồi 80% -Đưa Úc trở thành trung tâm sinh thái về giấy -Các giải pháp tái chế giấy chất lượng thấp của Úc được áp dụng trên toàn cầu

Lĩnh vực	Tiến trình thời gian		
	2022	**2025**	**2030**
Lốp xe	-Quản lý lốp xe phù hợp, tiêu chuẩn chất lượng và tăng thuế nhập khẩu -tính phí tái chế để tài trợ cho cơ sở hạ tầng tái chế	- Cấm vứt bỏ lốp xe - Hài hòa sự quản trị quốc gia - Thông số kỹ thuật cho vật liệu tái chế - Chính sách mua sắm và khuyến khích tài chính cho việc sử dụng vật liệu tái chế	-Tỷ lệ phục hồi 100% -các nền tảng thị trường mới cho hệ sinh thái công nghiệp, hậu cần ngược, công viên đổi mới...

Nguồn: CRIRO, 2021

2.3. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Trung Quốc là quốc gia đầu tiên và duy nhất trên thế giới sớm ban hành Luật thúc đẩy thực hiện KTTH ngay từ năm 2009. Ở Trung Quốc, KTTH ngày càng trở thành một nền tảng quan trọng đối với sự phát triển quốc gia. Nội dung về KTTH đã được lồng ghép trong Kế hoạch 5 năm lần thứ 12 và 13 của quốc gia. Các luật và chiến lược về KTTH quan trọng bao gồm Luật Thúc đẩy KTTH, Phát triển tuần hoàn và Hành động ưu tiên. Bên cạnh đó, các ưu đãi và hỗ trợ tài chính cho các dự án thí điểm đã được áp dụng từ năm 2005. Nội hàm KTTH hiện nay ở Trung Quốc có tiềm năng mở rộng tới nhiều lĩnh vực khác thay vì chỉ tập trung vào hiệu quả sử dụng tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm.

Trung Quốc triển khai KTTH trên toàn bộ nền kinh tế một có hệ thống ở ba cấp độ đã được định hình: quy mô vĩ mô (thành phố, tỉnh và huyện), trung gian (khu vực cộng sinh) và quy mô vi mô (đối tượng cụ thể như doanh nghiệp) với một số lĩnh vực trọng tâm chính trong các hệ thống công nghiệp, môi trường xây dựng, cơ sở hạ tầng đô thị và hệ sinh thái. Chiến lược KTTH của Trung Quốc được triển khai ở ba cấp độ: Thúc đẩy sản xuất sạch ở phạm vi doanh nghiệp, trong các khu công nghiệp triển khai hệ sinh thái công nghiệp, ở cấp khu vực phát triển các thành phố sinh thái. Chiến lược này đã được thử nghiệm trong bảy lĩnh vực công nghiệp và được thực hiện tại 13 khu công nghiệp, và kể từ năm 2005,

tại 10 thành phố sinh thái và tỉnh sinh thái (Bắc Kinh, Thượng Hải, Trùng Khánh, Quý Dương, Ninh Ba, Hà Bắc, Đồng Lăng, Liêu Ninh, Sơn Đông và Giang Tô) dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia [7].

Việc xây dựng một thành phố sinh thái về cơ bản bao gồm ba khía cạnh chính của nền KTTH: (i) hệ thống công nghiệp của nền KTTH (công nghiệp sinh thái, nông nghiệp sinh thái và ngành dịch vụ); (ii) việc xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, trong đó nổi bật là sử dụng tuần hoàn nước, năng lượng và chất thải rắn; (iii) an ninh sinh thái với việc xuất hiện các tòa nhà xanh, việc nâng cao chất lượng môi trường sống và BVMT.

Khía cạnh pháp luật cũng được Trung Quốc nhấn mạnh trong chiến lược tiếp cận của họ. Một số vấn đề liên quan đến pháp luật, ví dụ như các quy tắc mà luật pháp yêu cầu, khả năng cơ động, sự tham gia của người dân và bài học kinh nghiệm của các nước phát triển phải được giải quyết một cách hiệu quả. Ngoài ra, thực tiễn từ Trung Quốc cũng chỉ ra việc cần thiết phải xây dựng một hệ thống đánh giá khoa học hiệu quả để có được thông tin chính xác và nhằm cải thiện hướng dẫn. Các chỉ số đánh giá nên bao gồm chỉ số phát triển kinh tế, chỉ số phát triển xanh và chỉ số phát triển con người. Đặc biệt, Trung Quốc liên tục đưa ra Luật mới để cải thiện hiệu quả của KTTH và các sáng kiến bền vững, gắn liền với các chỉ số này. Cứ sau 5 năm, Chính phủ Trung Quốc lại đưa ra một kế hoạch 5 năm mới, với các mục tiêu bền vững và mục tiêu tăng trưởng kinh tế khác nhau mà nước này muốn đạt được. Trung Quốc đã thực hiện kế hoạch hành động và chiến lược phát triển KTTH qua "Kế hoạch 5 năm lần thứ 11", "Kế hoạch 5 năm lần thứ 12" và hiện nay đang thực hiện "Kế hoạch 5 năm lần thứ 13".

Kế hoạch năm năm lần thứ 13 được phát hành vào ngày 05 tháng 12 năm 2016, đề ra kế hoạch phát triển cho giai đoạn 2016-2020. Kế hoạch dựa trên ba ý tưởng cốt lõi: tăng cường các giải pháp quản lý; cải thiện chất lượng môi trường và đẩy nhanh việc khắc phục thiệt hại môi trường. Mục tiêu quan trọng của Kế hoạch 5 năm lần thứ 13 bao gồm thúc đẩy sản xuất tuần hoàn để thiết lập KTTH ở mọi cấp độ trong xã hội, tạo ra một hệ thống phát triển tuần hoàn với các chiến lược tài nguyên mới, giảm lãng phí và tiêu dùng, tăng hiệu quả tài nguyên và hỗ trợ các sáng kiến xanh. Kế hoạch cũng dự kiến năng suất tài nguyên sẽ tăng 15% so với mức của năm 2015, trong khi tỷ lệ sử dụng chất thải rắn sẽ đạt 73%. Hơn 75% các KCN quốc gia và hơn 50 KCN tỉnh sẽ thực hiện các chiến lược tuần hoàn hoàn chỉnh vào năm 2020. Giá trị đầu ra của ngành tái chế dự kiến sẽ đạt 450 tỷ USD.

Thách thức chủ yếu trong việc xây dựng KTTH của Trung Quốc là làm sao gắn kết các DN có mối liên hệ trong các chuỗi cung ứng tham gia hợp tác chuyển sản phẩm đầu ra thành vật liệu đầu vào. Lợi ích kinh tế đạt được cho các bên là khá rõ ràng. Các nguyên vật liệu tái chế, tái sản xuất, và có nguồn gốc địa phương thường rẻ hơn, do đó giúp gia tăng lợi nhuận cho DN. Ở tầm nhìn quốc gia, việc ngày càng tận dụng các nguyên vật liệu "cây nhà lá vườn" để thay thế các nguồn nhập khẩu đã giúp an ninh tài nguyên của Trung Quốc cũng được nâng cao.

2.4. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Cách tiếp cận thực hiện KTTH Nhật Bản có thể được coi là một điển hình của cách tiếp cận ở cấp độ quốc gia. Kể từ năm 1991, Nhật Bản đã bắt đầu thực hiện KTTH bằng việc xây dựng các quy định pháp lý nhằm đưa nước này trở thành một "xã hội dựa trên việc tái chế". Trọng tâm là Luật Cơ bản cho việc thành lập một xã hội dựa trên tái chế (The Basic Law for Establishing a Recycling-Based Society), có hiệu lực năm 2002, đã đưa ra các mục tiêu định lượng về tái chế và phi vật chất hóa trong dài hạn cho xã hội Nhật Bản. Nhờ vậy, nước này đã nhanh chóng đạt được tỷ lệ tái chế cao hàng đầu thế giới. Trong năm 2007, chỉ có 5% chất thải của Nhật Bản phải xử lý bằng chôn lấp, so với 48% của Vương quốc Anh vào năm 2008. Từ năm 2010, tỷ lệ tái chế đối với kim loại lên tới 98% (Government of Japan, 2010). Luật Tái chế thiết bị của Nhật Bản đảm bảo rằng trên 50% các sản phẩm điện tử được tái chế, so với con số 30-40% ở châu Âu (Government of Japan, 1998; Hotta, Santo, & Tasaki, 2014). Quan trọng hơn cả là khoảng 74-89% vật liệu chứa trong các thiết bị này đã được thu hồi quay trở lại phục vụ cho mục đích sản xuất các sản phẩm cùng loại, giúp tiết kiệm chi phí và giảm phụ thuộc vào việc khai thác tài nguyên (WEEE Forum, 2012).

Ở cấp quốc gia, cách đo lường của Nhật Bản đối với KTTH bao gồm: chỉ số năng suất tài nguyên đo lường việc sử dụng vật liệu theo tỷ lệ GDP; chỉ số cho tỷ lệ sử dụng vật liệu theo chu kỳ trong nền kinh tế, được đo bằng vật liệu được sử dụng lại theo tỷ lệ của tổng số vật liệu được sử dụng bởi nền kinh tế; và chỉ số đầu ra, đo lường bao nhiêu chất thải cuối cùng được chôn lấp. Các chỉ số này đều đi kèm với mục tiêu liên quan đến nó. Nhật Bản đưa ra những điều này bằng một

loạt các phép đo cụ thể theo ngành, đôi khi có những mục tiêu cụ thể trong ngành. Ngoài ra, Nhật Bản cũng đo lường các chỉ số về nỗ lực xã hội đối với nền KTTH, xem xét đến quy mô của thị trường cho thuê hàng hóa, số lượng bao bì tái sử dụng được bán, số lượng chính quyền địa phương tính phí cho việc thu gom chất thải dư thừa và thậm chí là doanh số bán đũa dùng một lần như là một cách đo thay thế cho tỷ lệ dân số sử dụng đũa có thể tái sử dụng.

Bảng 4. Các lĩnh vực yên tiên trong tầm nhìn KTTH 2020 của Nhật Bản

Lĩnh vực ưu tiên	Lý do lựa chọn
Nhựa	Nhu cầu quốc tế về tuần hoàn tài nguyên đối với nhựa đã tăng lên kể từ khi vấn đề rác thải nhựa trên biển bắt đầu thu hút sự chú ý, và Nhật Bản cũng sẽ ngày càng thúc đẩy 3R và mở rộng việc sử dụng các vật liệu thay thế, tuân theo "Chiến lược tuần hoàn tài nguyên đối với nhựa". Trong lĩnh vực này, các công ty đã đẩy nhanh các cam kết 3R tự nguyện, sử dụng nhiều vật liệu thay thế hơn và phát triển tái chế hóa chất. Thiết lập một môi trường nơi các công ty có thể thực hiện các hoạt động này một cách trơn tru là cần thiết.
Dệt may	Nhiều báo cáo chỉ ra rằng 73% quần áo bị loại bỏ thường được đốt hoặc chôn lấp trên khắp thế giới. Mọi người rất chú trọng đến tính tuần hoàn của các mặt hàng dệt may và đây được xem là một trong những chuỗi giá trị quan trọng trong "Kế hoạch hành động về KTTH" của EU. Ngành dệt may cần xem xét lại các mô hình kinh doanh có xu hướng liên tục cung cấp quá mức. Điều này có nghĩa là họ cần đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và cải thiện tính tuần hoàn của phân phối và bán hàng thông qua các điều chỉnh, thúc đẩy thương mại điện tử và triển khai tích cực các mô hình chia sẻ. Đảm bảo giá trị gia tăng cao hơn của ngành bằng cách tận dụng tối đa công nghệ kỹ thuật số.

Lĩnh vực ưu tiên	Lý do lựa chọn
Plyme cốt sợi Carbon (CFRP)	CFRP là vật liệu nhẹ, bền và chịu nhiệt. Nhu cầu về CFRP dự kiến sẽ tăng lên, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp ô tô và máy bay, do tác dụng giảm KNK bởi trọng lượng nhẹ hơn của chúng. Các công ty Nhật Bản chiếm thị phần lớn trên toàn cầu trong thị trường CFRP. Các công ty này đã tích cực phát triển các công nghệ tiên tiến. Tuy nhiên, có những thách thức trong việc tái chế CFRP trong các quy trình hiện tại và cần phải có các công nghệ tái chế hiệu quả, bao gồm cả việc sử dụng CFRP tái chế. Các hoạt động, chẳng hạn như phát triển công nghệ tái chế, phương pháp đánh giá CFRP tái chế và các cải tiến khác đối với CFRP, cần được đẩy mạnh và một hệ thống lưu thông toàn cầu cũng cần được thiết lập với sự hợp tác của EU.
Pin	Các loại Pin lithium ion hay Li-on với dung lượng khác nhau đang được sử dụng tương đối phổ biến trong nhiều loại sản phẩm khác nhau. Tuy nhiên, luật pháp hiện hành lại chưa đưa ra nhiều quy định cụ thể. Về ắc quy ô tô, lượng ắc quy thải bỏ dự kiến sẽ tăng cùng với sự gia tăng số lượng các loại xe điện.
Các tấm quang năng	Việc lắp đặt các tấm quang năng đã tăng đáng kể từ sau năm 2012, khi cơ chế FIT (feed-in-tariff) được áp dụng tại Nhật Bản. Dự kiến, khối lượng các tấm quang năng bị thải bỏ sẽ đạt đỉnh trong giai đoạn từ năm 2035 đến 2037. Điều này có nghĩa là khoảng 170-280 nghìn tấn tấm quang năng sẽ được xử lý mỗi năm, bằng 1.7-2.7% tổng lượng thải bỏ cuối cùng của Nhật Bản cho chất thải công nghiệp.

Nguồn: Tư vấn JICA biên soạn, 2022 [9]

Trong tầm nhìn KTTH 2020 (Bảng 4), khái niệm KTTH được định nghĩa là "Nền kinh tế tối đa hóa giá trị gia tăng thông qua việc sử dụng hiệu quả và tuần hoàn các nguồn tài nguyên ở mỗi giai đoạn". Vì vậy, khái niệm về KTTH này toàn diện và chi tiết hơn so với Tầm nhìn 1999. Ngoài ra, những nội dung sau đây được đề cập trong tầm nhìn KTTH 2020: Chuyển đổi sang nền KTTH là một nguồn lực

cạnh tranh để đạt được những tiềm năng mới, điều này cũng dẫn đến nâng cao tính bền vững của các hoạt động kinh doanh trong giai đoạn trung và dài hạn. Các công ty dự kiến sẽ tích cực đưa các hoạt động kinh doanh tuần hoàn vào chiến lược kinh doanh và quản lý của họ. Cần lưu ý rằng các phương pháp lý tưởng để đạt được nền KTTH là khác nhau dựa trên sự khác biệt về văn hóa, vị trí địa lý, cơ cấu công nghiệp và cơ sở hạ tầng hiện tại của mỗi quốc gia hoặc thị trường. Các công ty nên duy trì tính linh hoạt để tối ưu hóa hoạt động kinh doanh toàn cầu và đáp ứng nhu cầu từ từng thị trường. Do đó, việc đưa ra các biện pháp quản lý chỉ áp dụng cho các hoạt động kinh doanh địa phương có thể khiến các hoạt động bị đình trệ, cản trở tính sáng tạo và độc đáo, đồng thời làm giảm khả năng cạnh tranh quốc tế. Một trong những điểm mạnh của Nhật Bản là các hoạt động công nghiệp tự nguyện hoạt động rất hiệu quả, vì vậy, Nhật Bản nên đạt được nền KTTH thông qua việc thúc đẩy các hoạt động tự nguyện của các công ty bằng cách không chỉ sử dụng các đạo luật (như hướng dẫn và đưa ra các mốc quan trọng) với việc áp dụng tối thiểu các biện pháp quản lý, mà còn bằng cách cung cấp các khoản đầu tư, cho vay, trợ cấp.

2.5. Kinh tế tuần hoàn của Hàn Quốc

Quốc gia này bắt đầu thực hiện KTTH theo cách tiếp cận tập trung vào việc xử lý, tái chế chất thải. Điều này khiến Hàn Quốc trở thành quốc gia có tỷ lệ tái chế cao thứ hai trong các quốc gia OECD năm 2013 (McCarthy, Dellink, & Bibas, 2018). Bộ Môi trường Hàn Quốc (2017) đã tuyên bố ban hành các nguyên tắc tuần hoàn tài nguyên từ đầu năm 2018 nhằm thực hiện KTTH. Theo đó, Luật Tuần hoàn tài nguyên bao gồm các điều như "nhận diện tài nguyên tuần hoàn", "quản lý hiệu suất tuần hoàn tài nguyên", "đánh giá tính khả dụng của chu kỳ tuần hoàn" và "phí xử lý chất thải". Ngoài ra, luật này cũng bao gồm các chính sách để giảm lượng chất thải trong tất cả các quy trình từ sản xuất, phân phối, tiêu thụ cho đến xử lý sản phẩm và để thúc đẩy tái chế.

Trong đó, "Quản lý hiệu suất tuần hoàn tài nguyên" được áp dụng cho các nhà máy xả thải được chỉ định trên 100 tấn hoặc thải chất thải khác trên 1.000 tấn. Nó đặt ra một mục tiêu tùy chỉnh cho từng nhà máy để đánh giá sự tuần hoàn của vật liệu và mức độ mà nhà máy cần để giảm lượng chất thải. Nếu một nhà sản xuất tạo ra các sản phẩm khó tái chế, thì việc "đánh giá tính khả dụng của chu kỳ tuần hoàn" sẽ được áp dụng cho tình huống này. Chính sách này yêu cầu nhà sản xuất giảm sử dụng các vật liệu không thể tái chế hoặc làm cho sản phẩm có thể trở nên dễ tái chế hơn. Một kế hoạch đánh giá phải được thực hiện ba năm một

lần liên tục. Nếu một nhà máy không cải thiện được tình trạng của họ, sự việc sẽ được công bố rộng rãi trên internet. Nếu một đô thị hoặc nhà sản xuất sử dụng biện pháp chôn lấp / đốt chất thải, họ phải trả "phí xử lý chất thải" từ 0,01-0,02 €/kg tùy thuộc vào loại chất thải. Chất thải không gây hại cho môi trường và được giao dịch với một khoản phí sẽ được xác nhận trong điều "nhận diện tài nguyên tuần hoàn" nếu nó đáp ứng các quy định tiêu chuẩn. Các nhà máy sẽ được kiểm tra liên tục nếu chúng có đạt tiêu chuẩn hay không (Korean Ministry of Environment, 2017).

2.6. Kế hoạch kinh tế tuần hoàn cho cộng đồng kinh tế ASEAN

Năm 2021, Ủy ban ASEAN ban hành Khung KTTH cho Cộng đồng kinh tế ASEAN. Khung KTTH cho Cộng đồng kinh tế ASEAN đạt ra tầm nhìn dài hạn với các tham vọng về KTTH dựa trên các sáng kiến hiện có và xác định các trọng tâm ưu tiên để hành động với các yếu tố để đẩy nhanh tiến trình hiện thực hóa nền KTTH trong khối ASEAN [10].

Các mục tiêu chiến lược được thiết lập gồm phục hồi kinh tế, hiệu quả tài ngueyen và tăng trưởng bền vững. Các nguyên tắc hướng dẫn được xác định trong khung KTTH bao gồm thúc đẩy hội nhập ASEAN và phát triển các chuỗi giá trị khu vực, có tính đến tác động rộng hơn đối với kinh tế và xã hội, ,hận diện các hoàn cảnh riêng của từng quốc gia thành viên ASEAN đồng thời hỗ trợ triển vọng tăng trưởng dài hạn của khu vực, khuyến khích sự phối hợp trong toàn ASEAN về chia sẻ kiến thức và công nghệ, đánh giá tính khả thi và bền vững về tài chính và thể chế trước khi thực hiện, và thực hiện chức năng trong thực tế hóa của liên kết sản xuất quốc tế.

Có 05 ưu tiên chiến lược được đề ra trong Khung KTTH AEC được xác định gồm: (1) hài hòa hóa và công nhận lẫn nhau về các sản phẩm và dịch vụ tuần hoàn; (2) đảm bảo mở cửa thị trường và thuận lợi hóa cho hàng hóa và dịch vụ tuần hoàn; (3) tăng cường vai trò của đổi mới sáng tạo, số hóa và các công nghệ mới nổi; (4) tài chính bền vững và đổi mới đầu tư; (5) hiệu quả sử dụng năng lượng và các nguồn tài nguyên khác. Hiện nay, để hiện thực hóa Khung KTTH cho cộng động kinh tế ASEAN, Viện Nghiên cứu kinh tế Đông Nam Á và Đông Á (ERIA) đang tiến hành nghiên cứu và cụ thể hóa thành kế hoạch hành động cụ thể cho 3 lĩnh vực ưu tiên là nông nghiệp, giao thông và năng lượng.

2.7. Kinh nghiệm trong phát huy vai trò của một số công cụ chính sách quan trọng để thúc đẩy thực hiện KTTH

Trên cơ sở tiếp cận dựa vào thị trường, các quốc gia Châu Âu đã vận dụng thành công trong việc ban hành các công cụ chính sách trong quản lý CTR như: thuế/phí môi trường, hệ thống đặt cọc – hoàn trả, trợ cấp môi trường, chương trình hỗ trợ và mua sắm công xanh; giấy phép có thể chuyển nhượng, …

Một là, sử dụng chính sách thuế, phí môi trường

Công cụ thuế và phí được sử dụng linh hoạt và liên kết chặt chẽ với nhau. Ở các quốc gia khác nhau có những cách áp dụng rất khác nhau. Một số loại CTR phải chịu thuế môi trường tại Châu Âu có thể kể đến như: bao bì, túi nhựa (Bỉ, Đan Mạch, Hungary, Ireland); các loại pin như pin ô tô và pin gia dụng (Croatia, Đan Mạch, Hungary, Iceland, v.v.); các sản phẩm dùng một lần như đồ dùng nhà bếp và máy ảnh (Bỉ, Đan Mạch, Latvia); lốp ô tô (Bulgaria, Canada, Croatia, Demark, Phần Lan, v.v.); sản phẩm điện dân dụng (Hungary, Ý, Malta, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Slovakia, Nhật Bản, hàn Quốc, Thái Lan).

Về cách sử dụng nguồn thu từ thuế môi trường trong lĩnh vực quản lý CTR của một số quốc gia ở Châu Âu. Tại Pháp, nguồn thu từ thuế chôn lấp chủ yếu được quay trở lại cho các thành phố tự quản thông qua quỹ/khoản đầu tư, dành cho một số hoạt động của khu vực tư nhân và nghiên cứu. Ở Áo, sử dụng tiền thuế môi trường để tài trợ cho việc làm sạch các địa điểm bị ô nhiễm và được sử dụng để đầu tư vào các bãi chôn lấp. Tại Anh, nguồn thu từ thuế môi trường được sử dụng để bù đắp việc giảm đóng góp bảo hiểm quốc gia và hỗ trợ các dự án môi trường. Tại Na Uy, các khoản thu được chuyển vào ngân sách chung, khá giống với Việt Nam. Tại Iceland, các khoản thuế môi trường được chuyển vào quỹ tái chế và được sử dụng để trang trải các chi phí xử lý, tái chế hợp lý với môi trường.

Hai là, sử dụng chính sách trợ cấp và mua sắm xanh

Trợ cấp thường được sử dụng vì lý do kinh tế hoặc xã hội, chẳng hạn như để hỗ trợ các ngành công nghiệp yếu kém, giúp phát triển cơ sở hạ tầng quan trọng hoặc để bảo vệ các nhà sản xuất trong nước khỏi sự cạnh tranh ở nước ngoài. Tuy nhiên, trợ cấp cho các mục đích môi trường thường có xu hướng ít được sử dụng hơn trong những lĩnh vực khác (EEA 2005).

Thay vào đó, các quốc gia (điển hình ở châu Âu) thường sử dụng công cụ

mua sắm công xanh (GPP) có nghĩa là các cơ quan công quyền ưu tiên mua hàng hóa, dịch vụ và công trình thân thiện với môi trường hơn hàng hóa, dịch vụ và công trình có cùng chức năng thông thường. Tương tự, mua sắm công bền vững (SPP) là một quá trình mà các cơ quan công quyền tìm cách đạt được sự cân bằng thích hợp giữa ba trụ cột của phát triển bền vững - kinh tế, xã hội và môi trường - khi mua sắm hàng hóa, dịch vụ hoặc công trình ở tất cả các giai đoạn của dự án. Từ đó, với sức mạnh chi tiêu của mình (mức chi tiêu khoảng 1,8 nghìn tỷ euro hàng năm, chiếm khoảng 14% tổng sản phẩm quốc nội của EU), các cơ quan công quyền của châu Âu có thể dẫn dắt thị trường. Bằng cách sử dụng sức mua của mình để lựa chọn hàng hóa và dịch vụ có tác động thấp hơn đến môi trường, họ có thể đóng góp quan trọng vào tiêu dùng và sản xuất bền vững.

Ba là, công cụ đặt cọc – hoàn trả (DR)

Đặt cọc - hoàn trả (Deposit – Refund) là một loại công cụ kinh tế áp dụng trong quản lý môi trường. DR về cơ bản là sự kết hợp của hai công cụ: thuế đối với việc mua một sản phẩm nhất định và trợ cấp đối với việc thu tiền riêng của cùng một sản phẩm trong giai đoạn sau khi sử dụng. Khi trả lại các sản phẩm hoặc phần còn lại của chúng, khoản phụ phí được hoàn lại. DR có thể được sử dụng rất hiệu quả để đảm bảo tỷ lệ thu hồi cao cho một số loại bao bì và sản phẩm ở cuối vòng đời (OECD 2014) [5] . Một số cách áp dụng công cụ DR tại các quốc gia châu Âu có thể kể đến sau đây:

- Tại Đan Mạch: DR được áp dụng cho pin nickel-cadmium (NiCd) từ năm 1996. Theo đó, mức đặt cọc được thu bởi Cơ quan Hải quan và Tiêu thụ đặc biệt đối với các sản phẩm đăng ký và nhập khẩu có pin NiCd, với mức 0.80 EUR/pin. Các hệ thống DR thu hồi được khoảng 50- 60% của pin NiCd, cao hơn so với mức 35% thu thập trước khi DR ra đời. Ngoài ra, DR cũng được áp dụng với chai, lon có thể tái sử dụng và bao bì sử dụng một lần. Các nhà máy bia sử dụng công cụ này với nhiều sản phẩm khác nhau, nhằm đạt được ít nhất 98% chai, lon sử dụng một lần được thu hồi cho tái chế thông qua tiền đặt cọc. Các hệ thống DR đạt 89% tỷ lệ hoàn trả trong năm 2010.

- Tại Thụy Điển: DR được áp dụng với xe mô tô được hơn 20 năm. Cụ thể, Luật về thải bỏ xe năm 1975 đã quy định một mức phí thải bỏ sẽ được thu khi đăng ký xe. Khi chiếc xe được đưa đến cơ sở tháo dỡ và xử lý thì khoản tiền hoàn trả sẽ được gửi lại chủ xe.

Bốn là, chương trình chi trả theo mức xả thải (PAYT)

Các chương trình Chi trả theo mức xả thải (Pay As You Throw - PAYT) tại châu Âu xử lý các dịch vụ chất thải giống như điện, khí đốt và các tiện ích khác. Các hộ gia đình phải trả một tỷ lệ thay đổi tùy thuộc vào số lượng dịch vụ mà họ sử dụng đồng thời người dân phải trả phí thu gom CTR đô thị dựa trên số lượng họ vứt bỏ.

PAYT đã có mặt trên khắp Châu Âu hơn 25 năm nay, hiện đang tồn tại ở một loạt các quốc gia Châu Âu dưới nhiều hình thức khác nhau. Hệ thống PAYT không được thực hiện ở cấp quốc gia. Một phần PAYT được triển khai cho các hoạt động như công ty, tổ chức và bệnh viện. Magrini, D'Addato et al. (2020) [6] đã tổng kết mô hình áp dụng PAYT tại nhiều nước Châu Âu và cho thấy rằng trong hầu hết các chương trình PAYT, chi phí của dịch vụ được xác định theo các yếu tố sau: (i) khối lượng (sự lựa chọn kích thước thùng chứa rác); (ii) dựa trên số bao (số lượng bao tải được đặt ra để thu gom); (iii) tần suất (tần suất mà một thùng chứa được thiết lập để thu thập); (iv) trọng lượng (trọng lượng của vật liệu được thu thập trong một thùng chứa).

Năm là, công cụ Trách nghiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR)

Một trong những công cụ nổi bật gần đây có tác động thúc đẩy hình thành các thị trường, đó là EPR. EPR là một công cụ chính sách nhằm cải thiện các tiêu chí về môi trường bằng cách mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất cho các khâu khác nhau trong toàn bộ vòng đời của sản phẩm, đặc biệt là mở rộng đến cả các khâu thu hồi, tái chế và thải bỏ sản phẩm cuối cùng.

Tại Châu Âu, EPR được quy định bắt buộc đối với thiết bị điện và điện tử (WEEE). Trong đó, đặt trách nhiệm cung cấp tài chính cho việc thu gom, tái chế và xử lý có trách nhiệm vào cuối vòng đời của WEEE, pin, ắc quy và các phương tiện giao thông cho các nhà sản xuất. Ngoài ra, EPR còn được áp dụng với chất thải từ bao bì đóng gói, lốp xe, dầu thải, giấy và thẻ cũng như chất thải xây dựng. Một số loại chất thải khác phải tuân theo các hệ thống trách nhiệm bắt buộc hoặc tự nguyện của nhà sản xuất như: nhựa nông nghiệp, chất thải y tế, hóa chất, chất làm lạnh, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, bóng đèn, ...

Sáu là, sử dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn để thúc đẩy KTTH

Một trong những công cụ đang được bàn luận có vai trò hết sức quan trọng

để thúc đẩy áp dụng KTTH là "tiêu chuẩn, quy chuẩn". Các tiêu chuẩn giúp thực hiện việc sử dụng các tài nguyên và năng lượng bền vững trong khi bảo vệ người tiêu dùng, lao động và môi trường. Ngoài ra, các tiêu chuẩn cũng cần thiết để đảm bảo các đặc tính của vật liệu được sử dụng, cũng như xác định các yêu cầu về mức độ tin cậy của các linh kiện, cấu kiện sản phẩm. Thông qua tiêu chuẩn sẽ giúp thực hiện thuận lợi các công cụ chính sách khác có vai trò thúc đẩy thực hiện KTTH như EPR, thiết kế sinh thái, nhãn sinh thái, mua sắm công xanh, tài chính xanh… Thông qua các tiêu chuẩn cũng giúp thúc đẩy mở cửa thị trường và thuận lợi hóa thương mại đối với các sản phẩm, dịch vụ có liên quan đến KTTH như nguyên liệu thứ cấp, sản phẩm cũ, sửa chữa, sản phẩm được làm từ nguyên liệu tái chế… Tiếp cận thúc đẩy KTTH dựa vào việc ban hành các tiêu chuẩn hoàn toàn phù hợp với yêu cầu về phát huy vai trò "kiến tạo" của nhà nước để tạo hành lang pháp lý cho doanh nghiệp, người dân và cộng đồng dân cư áp dụng KTTH [11], [12].

Bảng 5. Ví dụ về tiêu chuẩn thúc đẩy kinh tế tuần hoàn

Chuỗi giá trị	**Tiêu chuẩn KTTH**	**Một số bộ tiêu chuẩn điển hình**
Thượng nguồn (để thiết kế và sản xuất sản phẩm)	Hàm lượng vật liệu • Hàm lượng tái chế • Hàm lượng nguy hiểm	• Hệ thống dữ liệu vật liệu quốc tế (IMDS) • Chỉ thị của EU về hạn chế các chất độc hại (RoHS) • Các chương trình EPR và phí điều chỉnh như ở Pháp, Đức và Ý • CEN / CLC / JTC 10 - Phương pháp chung để đánh giá tỷ lệ hàm lượng vật liệu tái chế trong các sản phẩm liên quan đến năng lượng (đang chờ phê duyệt) • Dịch vụ toàn cầu SCS • UL - Chương trình xác nhận khiếu nại môi trường về nội dung tái chế
	Khả năng tái chế	• CEN/CLC/JTC 10 - Các phương pháp chung để đánh giá khả năng tái chế và khả năng thu hồi

Chuỗi giá trị	Tiêu chuẩn KTTH	Một số bộ tiêu chuẩn điển hình
		của các sản phẩm liên quan đến năng lượng (Tham khảo EN 45555:2019)
	Khả năng sửa chữa	Tiêu chuẩn của Áo về khả năng tái chế (ONR 192102:2014) • CEN/CLC/JTC 10 - Phương pháp chung để đánh giá khả năng sửa chữa, tái sử dụng và nâng cấp các sản phẩm liên quan đến năng lượng (Tham khảo EN 45555:2019) • Hệ thống chấm điểm i-Fixit • Nhãn sản phẩm có thể sửa chữa 10Y
	Sản xuất bền vững	• Tiêu chuẩn dệt may hữu cơ toàn cầu (GOTS) • Hệ thống tiêu chuẩn bông cải tiến của BCI (Sáng kiến bông cải tiến) • Chỉ số vật liệu bền vững Higg
Hạ nguồn (đối với nguyên liệu thứ cấp, hàng hóa để tân trang và tái sản xuất, và hàng cũ)	Chất lượng vật liệu đối với chất thải và phế liệu	• Thông tư về thông số kỹ thuật phế liệu ISRI
	Chất lượng nguyên liệu (đối với nguyên liệu thứ cấp)	Kế hoạch hành động KTTH – xây dựng tiêu chuẩn chất lượng cho nguyên liệu thứ cấp (đang diễn ra)
	Chất lượng sản phẩm (đối với hàng hóa để tân trang và tái sản xuất, và hàng cũ)	• Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) đã phát triển một tiêu chuẩn tự nguyện - PAS 141: 2011 - Tái sử dụng rác thải và các thiết bị điện và điện tử đã qua sử dụng (UEEE và WEEE). • Viện Tiêu chuẩn Quốc gia Hoa Kỳ (ANSI) "Thông số kỹ thuật cho quá trình tái sản xuất -

Chuỗi giá trị	Tiêu chuẩn KTTH	Một số bộ tiêu chuẩn điển hình
		RIC001.1-2016" được phát triển bởi Hội đồng Công nghiệp Tái sản xuất (RIC) • CEN/CLC/JTC 10 - Phương pháp chung để đánh giá tỷ lệ các thành phần tái sử dụng trong các sản phẩm liên quan đến năng lượng (Tham khảo EN 45556:2019)

Nguồn: OECD 2020

Với những lợi ích của việc tiếp cận tiêu chuẩn cho khuyến khích áp dụng các mô hình KTTH, trong những năm gần đây việc tiếp cận và ban hành các tiêu chuẩn ngày càng được chú ý, năm 2018, tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn (ISO) đã thành lập ủy ban tiêu chuẩn ISO KTTH (ISO/TC 323) với mục tiêu chung là tăng trương và thúc đẩy các hoạt động cho phát triển bền vững. Năm 2019, Ủy ban Châu Âu cũng có nhiều hoạt động để thúc đẩy tiêu chuẩn hóa liên quan đến KTTH. Năm 2021, tổ chức OECD đã dựa trên cách tiếp cận chuỗi giá trị của KTTH để rà soát các tiêu chuẩn góp phần thúc đẩy KTTH như mô tả tại Bảng 5. Tổ chức OECD cũng đang yêu cầu các tiêu chuẩn để hỗ trợ thuận lợi cho tiến trình hướng đến KTTH, OECD nhấn mạnh sự cần thiết phải đồng bộ hóa các tiêu chuẩn về chất lượng cho các nguyên vật liệu đối với các sản phẩm có thể sửa chữa, tái sử dụng và áp dụng các tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng cho các nguyên liệu thô đầu vào.

2.8. Kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc sử dụng các công cụ chính sách thúc đẩy thực hiện KTTH

Là quốc gia đầu tiên và duy nhất đến thời điểm hiện nay ban hành Luật thúc đẩy thực hiện KTTH, 03 lần ban hành và cập nhật Kế hoạch 5 năm về KTTH theo cách tiếp cận toàn diện và đầy đủ, đến nay Trung Quốc đã xây dựng được một hệ thống các công cụ chính sách khá toàn diện để thúc đẩy thực hiện KTTH xét theo các mục tiêu khác nhau như cải thiện cơ cấu ngành công nghiệp, thúc đẩy sản xuất sạch hơn, sử dụng tài nguyên toàn diện, khai thác và sử dụng tài nguyên năng lượng, và các mục tiêu tổng hợp hợp. Bên cạnh việc truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức thì 02 nhóm công cụ quan trọng được sử dụng linh hoạt gồm các biện pháp

mệnh lệnh hành chính và các biện pháp kinh tế thông qua các chính sách ưu đãi thuế, khen thưởng … [13] (chi tiết được trình bày tại Bảng 6).

Bảng 6. Tổng hợp các chính sách thúc đẩy KTTH của Trung Quốc

Mục tiêu và chính sách áp dụng	Biện pháp chính sách
I. Cải thiện cơ cấu ngành kinh tế	
1.1. Ban hành Danh sách các lĩnh vực sản xuất lạc hậu, các quy trình và sản phẩm cần được loại bỏ	Mệnh lệnh, hành chính
1.2. Quy định tạm thời để thúc đẩy nâng cấp cấu trúc công nghiệp và danh sách hướng dẫn cho việc nâng cấp các ngành công nghiệp	Mệnh lệnh, hành chính
1.3. Thông báo của Hội đồng Nhà nước về đẩy nhanh việc nâng cấp cấu trúc các ngành có khả năng sản xuất quá mức (2006)	Mệnh lệnh, hành chính
1.4. Thông báo về việc đẩy nhanh điều chỉnh cơ cấu ngành thép thông qua kiểm soát tổng khả năng sản xuất và loại bỏ khả năng sản xuất lạc hậu (2006)	Mệnh lệnh, hành chính
1.5. Thông báo về việc đẩy nhanh điều chỉnh cơ cấu ngành sản xuất điện để phát triển lành mạnh và suôn sẻ (2006)	Mệnh lệnh, hành chính
1.6. Hướng dẫn Tư vấn về Cải thiện và Tăng cường Dịch vụ Tài chính cho Các ngành BVMT (2007)	Công cụ kinh tế
1.7. Hướng dẫn các thiết bị về các dịch vụ tài chính để hỗ trợ và thúc đẩy các điều chỉnh công nghiệp chính và ngăn chặn sản xuất vượt mức Năng lực (2009)	Công cụ kinh tế
1.8. Quảng cáo về các dịch vụ tài chính để hỗ trợ tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải và loại bỏ khả năng sản xuất lạc hậu (2010)	Công cụ kinh tế
1.9. Phương pháp quản lý của Quỹ khen thưởng tài chính trung ương nhằm xóa bỏ khả năng sản xuất lạc hậu (2011)	Công cụ kinh tế

Mục tiêu và chính sách áp dụng	Biện pháp chính sách
II. Thúc đẩy sản xuất sạch hơn	
2.1. Phương pháp tạm thời để kiểm toán các dự án sản xuất sạch hơn (2004)	Mệnh lệnh, hành chính
2.2. Danh sách thuế thu nhập ưu đãi của các doanh nghiệp sản xuất thiết bị sản xuất an toàn đặc biệt (2008	Công cụ kinh tế
2.3. Phương pháp quản lý tạm thời của Quỹ khen thưởng tài chính trung ương cho các công nghệ tiết kiệm năng lượng (2011)	Công cụ kinh tế
III. Sử dụng tài nguyên toàn diện	
3.1. Thông báo về các biện pháp sử dụng tài nguyên toàn diện đã được Hội đồng nhà nước phê duyệt và chuyển cho Ủy ban kinh tế thương mại nhà nước (1996)	Mệnh lệnh, hành chính
3.2. Thông báo về Chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (1994)	Công cụ kinh tế
3.3. Thông báo về việc Giải thích Quy định Đánh thuế đối với Đầu tư Tài sản Cố định để Sử dụng Toàn diện Nguồn lực và Cơ sở Kho hàng (1994)	Công cụ kinh tế
3.4. Thông báo về việc Miễn thuế VAT cho các sản phẩm từng phần của các dự án sử dụng tài nguyên toàn diện (1995)	Công cụ kinh tế
3.5. Thông báo về chính sách thuế tiêu thụ xà phòng và lốp xe (2000)	Công cụ kinh tế
3.6. Thông báo về Chính sách thuế GTGT ưu đãi đối với các sản phẩm được sản xuất thông qua việc sử dụng toàn diện ba loại gỗ còn lại hoặc gỗ thứ cấp (2001)	Công cụ kinh tế

Mục tiêu và chính sách áp dụng	Biện pháp chính sách
3.7. Thông báo về Chính sách thuế VAT cho Kinh doanh Thu hồi Chất thải (2001)	Công cụ kinh tế
3.8. Thông báo về Chính sách thuế VAT cho việc sử dụng toàn diện tài nguyên và các sản phẩm có liên quan (2008)	Công cụ kinh tế
3.9. Thông báo về Thuế Thu nhập Ưu đãi cho Danh mục Tài liệu Sử dụng Toàn diện Tài nguyên (2008)	Công cụ kinh tế
3.10. Thông báo về Chính sách thuế GTGT đối với các sản phẩm được sản xuất bằng phế liệu nông và lâm sản (2009)	Công cụ kinh tế
3.11. Thông báo về việc Miễn thuế tiêu thụ đối với dầu diesel sinh học được sản xuất bằng dầu thực vật và động vật thải (2010)	Công cụ kinh tế
IV. Khai thác và sử dụng tài nguyên năng lượng	
4.1. Thông báo về việc thực hiện thêm chính sách về các vấn đề tính phí và định giá điện khác biệt liên quan đến các nhà máy điện riêng (2004)	Công cụ kinh tế
4.2. Ý kiến về việc cải thiện chính sách giá điện chênh lệch (2006)	Công cụ kinh tế
4.3. Đề án thí điểm quản lý giá và chia sẻ chi phí sản xuất điện bằng năng lượng tái tạo (2006)	Công cụ kinh tế
V. Tổng hợp	
5.1. Danh mục Công nghệ, Quy trình và Thiết bị được Khuyến khích của Nền KTTH (Lô đầu tiên) (2012)	Công cụ kinh tế
5.2. Phương pháp quản lý tạm thời Thông tư Quỹ phát triển kinh tế (2012)	Công cụ kinh tế
5.3. Thông báo về ý kiến về các chính sách và biện pháp hỗ trợ của Thông tư Đầu tư và Tài trợ phát triển kinh tế (2010)	Công cụ kinh tế

Mục tiêu và chính sách áp dụng	Biện pháp chính sách
5.4. Phương pháp quản lý tạm thời các quỹ tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải (2015)	Công cụ kinh tế

Nguồn: ERIA, 2014

2.9. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường

2.9.1. Bài học về chính sách chung trong thực hiện kinh tế tuần hoàn

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy việc thể chế hóa KTTH, đặc biệt là xây dựng Luật về KTTH, là giải pháp được nhiều quốc gia lựa chọn, tiêu biểu là Hà Lan, Đức, Nhật Bản và Trung Quốc. Luật về KTTH sẽ giúp việc thực hiện KTTH được hệ thống và đồng bộ. Tại Việt Nam, như đã phân tích ở trên, có thể thấy là các yếu tố của KTTH đang được đề cập khá rời rạc, ở nhiều luật và chính sách khác nhau, chưa có văn bản nào quy định được đầy đủ và hệ thống cả 5 khâu của KTTH (gồm Thiết kế, Sản xuất, Tiêu dùng, Quản lý chất thải và Biến chất thải trở lại thành tài nguyên). Vì thế, Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi năm 2020, với vai trò là luật liên quan trực tiếp tới KTTH, cần đóng vai trò hệ thống này. Theo đó, không nhất thiết phải có riêng một luật dành cho KTTH tại Việt Nam.

Ngoài ra, như đã trình bày ở trên, triết lý của KTTH nên được áp dụng trong tất cả các lĩnh vực. Vì thế, khi xây dựng các chính sách kinh tế-xã hội cũng cần quan tâm và thực hiện lồng ghép các KTTH. Đặc biệt, vai trò kiến tạo của nhà nước còn thể hiện qua việc tạo những ưu đãi về cơ chế và thủ tục hành chính đối với các mô hinh tuần hoàn tốt, từ đó tạo hiệu ứng khuyến khích thực hiện KTTH trong mọi hoạt động kinh tế và xã hội. Trong một số trường hợp, KTTH tạo ra nhiều lợi ích ngoại ứng tích cực cho xã hội. Vì thế, các chính sách cần phân tích theo quan điểm phân tích kinh tế (tính toàn bộ chi phí và lợi ích xã hội) thay vì chỉ phân tích tài chính, từ đó Nhà nước nên chuẩn bị cho việc hỗ trợ tài chính, giúp bù đắp một số chi phí, hoặc ưu đãi trong vấn đề thủ tục hành chính, nhằm khuyến khích các mô hinh tuần hoàn tốt và thúc đẩy kết nối các doanh nghiệp với nhau. Từ đó, tạo ra các vòng tuần hoàn nhỏ trong nền kinh tế, đúng với vai trò "kiến tạo" của nhà nước đối với hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp. Sự chuẩn bị và sẵn sàng

có những chính sách hỗ trợ về thủ tục hoặc tài chính, như vậy là rất quan trọng để có thể nhân rộng các mô hình thành công. Đó cũng chính là thể hiện vai trò kiến tạo của nhà nước đối với KTTH.

Một cách tổng quát, vai trò kiến tạo của nhà nước thể hiện trong việc tạo ra một môi trường để KTTH phát triển. Đó là môi trường với hệ thống luật pháp rõ ràng, lộ trình phù hợp, có các hình thức khuyến khích (ưu đãi về cơ chế và thủ tục hành chính, về tài chính, về tiếp cận các nguồn lực) và chế tài rõ ràng, minh bạch. Từ đó, các mô hình KTTH tốt được khuyến khích và tạo hiệu ứng thực hiện KTTH trong mọi hoạt động kinh tế và xã hội. Bên cạnh đó, vai trò kiến tạo cũng thể hiện qua việc dẫn dắt, thông qua chi tiêu công xanh (Green Public Procurement - GPP).

2.9.2. Bài học về các ưu tiên xây dựng lộ trình thực hiện kinh tế tuần hoàn

Kinh nghiệm của các nước Anh, Pháp, Phần Lan, Hà Lan và gần đây là Malaysia cho thấy cần có lộ trình để thực hiện KTTH. Các lộ trình này thường dài từ 15-20 năm, nêu rõ các mục tiêu và các quy định cụ thể cho từng giai đoạn nhỏ. Theo đó, Việt Nam có thể cân nhắc đưa cả hai cách tiếp cận thực hiện KTTH trong lộ trình của mình. Cụ thể:

- Trước hết, trong ngắn hạn (khoảng 5 năm tới) Việt Nam nên sử dụng cách tiếp cận theo loại vật liệu, bắt đầu với rác thải nhựa dùng một lần, từ đó tạo hiệu ứng lan tỏa tới các vật liệu khác và tới nhận thức xã hội. Như đã trình bày ở trên, KTTH không chỉ là gia tăng khả năng tuần hoàn của vật liệu, mà còn là giảm thiểu việc sử dụng các vật liệu khó tuần hoàn – từ đó dẫn tới tỉ lệ tuần hoàn vật liệu chung của toàn nền kinh tế tăng lên. Đây chính là một trong những cách tiếp cận KTTH theo vật liệu. Kinh nghiệm của các nước cho thấy, các loại vật liệu được ưu tiên là thường gắn với các vấn đề môi trường cấp thiết của quốc gia và đi kèm với đó là là các chính sách mệnh lệnh - kiểm soát tương đối cứng rắn. Tiêu biểu nhất là rác thải nhựa.

Theo báo cáo mới nhất của Ritchie & Roser, Việt Nam là một trong 4 nước có lượng rác thải nhựa nhiều nhất thế giới. Đây là một vấn đề môi trường cấp thiết. *Vì thế, với cách tiếp cận KTTH kể trên, trước hết, Việt Nam nên tập trung vào rác thải nhựa, trước hết là rác thải nhựa từ các sản phẩm nhựa dùng một lần.* Nước ta có thể xem xét học tập kinh nghiệm của một số nước tiêu biểu như: Chính sách cấm sử dụng một số sản phẩm nhựa dùng một lần tại Châu Âu, chính sách Chính sách cấm sử dụng ống hút nhựa, que khuấy và bông ngoáy tai bằng nhựa

tại Vương quốc Anh vào năm 2020, chính sách cấm nhựa sử dụng một lần tại Đài Loan (bàn chải sử dụng một lần, bông ngoáy tai,…). Từ đó hướng tới các chiến lược "không rác thải nhựa – Zero Plastic Waste" như tại Canada và lộ trình "Không rác thải nhựa dung một lần 2018-2030" của Malaysia. Một số công cụ kinh tế như thuế và phí với rác thải nhựa dung một lần cũng có thể được cân nhắc, nhưng cần xem xét kỹ tới các đặc trưng sản xuất và thị trường của Việt Nam. Trong dài hạn, Việt Nam có thể xem xét bài học của các mô hình KCN tuần hoàn, thành phố tuần hoàn, để định hình, thiết kế và xây dựng thận trọng, từ thí điểm đến nhân rộng.

Bên cạnh đó, lộ trình cũng cần tiếp tục thực hiện các nội dung khác của KTTH, như khuyến khích năng lượng tái tạo, thúc đẩy sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, hoàn thiện và phát triển các mô hình KTTH đã có tại Việt Nam. Đặc biệt, các lộ trình KTTH trên thế giới đều xác định rõ doanh nghiệp chính là động lực trung tâm thực hiện KTTH. Với Việt Nam, VCCI là đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp và cũng được coi là tổ chức tiên phong trong lĩnh vực KTTH. Vì thế, nhà nước nên phối hợp chặt chẽ với VCCI trong các lộ trình thực hiện KTTH.

Theo cách tiếp cận hệ thống của một nền kinh tế, để xây dựng lộ trình thực hiện KTTH, Việt Nam cần phải cân nhắc đầy đủ các cơ hội, thách thức, rủi ro và rào cản. Bài học kinh nghiệm, hiểu biết, khả năng mở rộng, khả năng nhân rộng, cơ hội đổi mới và thử nghiệm, tiến trình... Để thực hiện KTTH cho từng hợp phần của nền kinh tế gồm.

3. KHUNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VÀ NHIỆM VỤ ĐẶT RA VỀ KINH TẾ TUẦN HOÀN Ở VIỆT NAM ĐẾN NAY

3.1. Các định hướng của Đảng và Nhà nước về kinh tế tuần hoàn

Ở Việt Nam, KTTH chính thức được chỉ ra như một giải pháp về quản lý, phân bổ, sử dụng hiệu quả tài nguyên; BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu trong Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 – 2025 và Chiến lược phát triển KTXH 2021 – 2030, tầm nhìn 2045 của Việt Nam lần lượt như sau: *(i) xây dựng lộ trình, cơ chế, chính sách, pháp luật để hình thành, vận hành mô hình KTTH; (ii)"khuyến khích phát triển mô hình KTTH để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất".* Trong một số Chiến lược, Kế hoạch hành động của một số ngành, lĩnh vực đã cụ thể hóa định hướng chuyển đổi sang KTTH. Cùng với đó, rà soát mục tiêu, nhiệm

vụ và giải pháp trong các chiến lược, chương trình và đề án cho thấy đã có nhiều nội dung liên quan đến một hoặc một số mục tiêu hướng đến của KTTH như giảm sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu hóa thạch, kéo dài vòng đời sản phẩm, giảm phát sinh chất thải và giảm tác động xấu đến môi trường hay các giải pháp để thúc đẩy tái chế, tái sử dụng, giảm thiểu, sửa chữa, phục hồi, tân trang…

Rà soát các định hướng của Đảng và Nhà nước dưới lăng kính về kinh tế tuần hoàn cho thấy có thể phân chia thành 03 giai đoạn chính với các đặc trưng cụ thể như sau ***(chi tiết trình bày tại Phụ lục 2)***:

(i) Giai đoạn trước Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (Trước 2016): giai đoạn này các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chưa đề cập đến KTTH nhưng ngay đã sớm có những định hướng, giải pháp có liên quan đến thực hiện KTTH;

(ii) Giai đoạn triển khai thực hiện Nghị Quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (từ 2016 – 2020): ở giai đoạn này vấn đề KTTH đã được nhắc đến trực tiếp vào trong một số định hướng lớn như định hướng phát triển bền vững năng lượng Việt Nam; chương trình mục tiêu Quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2030. Cùng với đó, những quan tâm về vấn đề môi trường, tài nguyên thiên nhiên được chú trọng hơn;

(iii) Giai đoạn từ khi có Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đến nay (từ 2021): vấn đề KTTH đã được quan tâm với những định hướng tổng quát trong Chiến lược phát triển KTXH 10 năm giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch 5 năm 2021-2023; trong các Nghị quyết chuyên ngành về các vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn; Nghị quyết về kinh tế tập thể... Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các Nghị quyết, Chiến lược về tái cơ cấu nền kinh tế; phát triển của các ngành, lĩnh vực đã đề cập nhiều đến việc áp dụng KTTH. Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Đề án phát triển KTTH ở Việt Nam với những quan điểm, định hướng và phân công rõ ràng trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương. Như vậy, KTTH đã nhận được quan tâm, chỉ đạo khá toàn diện của Đảng, Nhà nước trong thời gian gần đây, các định hướng, chỉ đạo có sự thống nhất chung.

3.2. Hệ thống pháp luật về kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam

3.2.1. Kinh tế tuần hoàn trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

Cùng với quá trình nghiên cứu, đề xuất nội dung về KTTH trong Chiến lược phát triển KT - XH 10 năm 2021 - 2030; Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025, quy định pháp luật về KTTH cũng được nghiên cứu và thể chế hóa thành quy định trong Luật BVMT năm 2020.

Tại khoản 11 Điều 5 của Luật BVMT năm 2020, chính sách của Nhà nước về BVMT khẳng định "Lồng ghép, thúc đẩy các mô hình KTTH, kinh tế xanh trong xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển KT- XH". Tiếp đó, tại Điều 142 của Luật có quy định riêng về KTTH.

Theo đó, KTTH ở Việt Nam được xác định là ***"là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường".*** Ngoài khái niệm về KTTH thì Luật đưa ra trách nhiệm cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh trong việc thực hiện lồng ghép KTTH ngay từ giai đoạn xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái chế, tái sử dụng chất thải"; "cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản lý và thực hiện các biện pháp để giảm khai thác tài nguyên, giảm chất thải, nâng cao mức độ tái sử dụng và tái chế chất thải ngay từ giai đoạn xây dựng dự án, thiết kế sản phẩm, hàng hóa đến giai đoạn sản xuất, phân phối**.** Đặc biệt, Luật giao Chính phủ quy định tiêu chí, lộ trình, cơ chế khuyến khích thực hiện KTTH phù hợp với điều kiện KT - XH của đất nước.

Ngoài ra, đối chiếu với các biện pháp chính sách để thực hiện KTTH của các quốc gia trên thế giới cho thấy, tư duy về chuyển đổi sang KTTH còn được thể hiện bằng nhiều công cụ, chính sách khác nhau. So sánh chính sách trong các định hướng chiến lược, quy định pháp luật về thúc đẩy áp dụng KTTH của Việt Nam với các quốc gia trên thế giới điển hình trong chuyển đổi sang KTTH như Trung Quốc, Khối Liên minh châu Âu (bao gồm các quốc gia thành viên điển hình như Pháp, Hà Lan, Đức, Na Uy…) cho thấy, Việt Nam đã xây dựng được nền tảng chính sách, pháp lý khá đầy đủ để thúc đẩy thực hiện KTTH theo các ngành, lĩnh vực, khu vực khác nhau của nền kinh tế như phân loại chất thải tại nguồn;

mua sắm công xanh (GPP); mở rộng trách nghiệm của nhà sản xuất (EPR); thúc đẩy các thị trường tái chế; các biện pháp ưu đãi, hỗ trợ; phát triển ngành công nghiệp môi trường, dịch vụ môi trường, mua sắm xanh, tín dụng xanh, trái phiếu xanh....

3.2.2. Quy định chi tiết về tiêu chí, lộ trình và cơ chế khuyến khích phát triển kinh tế tuần hoàn

Thứ nhất, quy định chung về KTTH

Trên cơ sở khái niệm được nêu trong Luật BVMT năm 2020, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật cũng đưa ra những quy định chi tiết hơn về tiêu chí, lộ trình và cơ chế khuyến khích thực hiện KTTH ở Việt Nam. Theo đó, xác định 3 trụ cột đại diện cho 3 nhóm tiêu chí chung về KTTH, bao gồm:

Nhóm thứ nhất: Giảm khai thác, sử dụng tài nguyên không tái tạo, tài nguyên nước; tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên, nguyên liệu thô, vật liệu; tiết kiệm năng lượng;

Nhóm thứ hai: Kéo dài thời gian sử dụng vật liệu, thiết bị, sản phẩm, hàng hóa, các linh kiện, cấu kiện;

Nhóm thứ ba: Hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, bao gồm: giảm chất thải rắn, nước thải, khí thải; giảm sử dụng hóa chất độc hại; tái chế chất thải, thu hồi năng lượng; giảm sản phẩm sử dụng một lần; mua sắm xanh.

Dựa vào các nhóm biện pháp ưu tiên thực hiện KTTH, các biện pháp ưu tiên để thực hiện KTTH đối với các chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ được quy định theo theo thứ tự ưu tiên sau: (i) nhóm biện pháp hạn chế sử dụng các sản phẩm không thân thiện môi trường; tối ưu hóa sử dụng thiết bị, sản phẩm; tăng hiệu quả sản xuất, sử dụng hiệu quả tài nguyên, nguyên liệu, vật liệu; (ii) nhóm biện pháp hướng đến kéo dài vòng đời sản phẩm và các linh kiện, cấu kiện của sản phẩm như tái sử dụng, tăng cường sửa chữa hoặc bảo trì các sản phẩm bị lỗi để kéo dài thời gian sử dụng, tân trang thông qua phục hồi và nâng cấp sản phẩm cũ; tái sản xuất bằng việc gia tăng sử dụng các thành phần, linh kiện, cấu kiện của các sản phẩm thải bỏ vào các chức năng tương tự, hoặc sử dụng lại các sản phẩm hoặc các linh kiện, cấu kiện của sản phẩm thải bỏ cho sản phẩm mới có chức năng khác; (iii) nhóm thứ ba là giảm chất thải phát sinh thông qua

thực hiện tái chế chất thải để xử lý, chế biến chất thải để chuyển hóa thành nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu có ích; thu hồi năng lượng thông qua thiêu đốt chất thải.

Ngoài ra, những quy định đối với chủ dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp căn cứ kế hoạch hành động thực hiện một hoặc nhiều biện pháp sau đây để đạt được tiêu chí KTTH: (i) thiết kế mặt bằng tổng thể tối ưu, liên kết giữa các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ để nâng cao hiệu quả sử dụng và giảm định mức tiêu thụ tài nguyên đất, nước, khoáng sản, năng lượng; nâng cao tỷ lệ tái chế và giảm thiểu tổng khối lượng chất thải phát sinh; các giải pháp khác quy định tại khoản 3 Điều này; (ii) phát triển, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo theo quy định của pháp luật; (iii) thu gom, lưu trữ để tái sử dụng nước mưa; thu gom, xử lý, tái sử dụng nước thải; (iv) thực hiện các hoạt động cộng sinh công nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế. Tiếp đó, đối với chủ dự án đầu tư khu đô thị, khu dân cư tập trung thực hiện thiết kế, tổ chức quản lý và thực hiện các biện pháp sau đây để đạt được tiêu chí kinh tế tuần hoàn, bao gồm: (i) thiết kế mặt bằng tổng thể tối ưu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và giảm định mức tiêu thụ tài nguyên đất, nước, năng lượng; (ii) áp dụng các giải pháp giao thông thân thiện với môi trường, giảm phát thải khí nhà kính; (iii) phát triển, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo theo quy định của pháp luật; (iv) thực hiện các biện pháp khác về BVMT theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, về lộ trình, trách nhiệm thực hiện KTTH

Bộ TN&MT có trách nhiệm: (i) chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn; (ii) xây dựng, vận hành nền tảng kết nối thông tin, chia sẻ dữ liệu về áp dụng mô hình KTTH; (iii) xây dựng, ban hành khung hướng dẫn áp dụng, đánh giá việc thực hiện KTTH;

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý nhà nước được giao, có trách nhiệm: (i) Xây dựng, phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện KTTH của ngành, lĩnh vực, sản phẩm phù hợp với kế hoạch hành động quốc gia; (ii) tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, giáo dục, đào tạo về nội dung KTTH; (iii) lồng ghép các tiêu chí cụ thể thực hiện KTTH ngay trong quá trình xây dựng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái sử dụng, tái chế chất thải; (iv) quản lý, cập nhật thông

tin, dữ liệu thực hiện KTTH và tích hợp với hệ thống thông tin dữ liệu của Bộ TN&MT; (v) tổ chức áp dụng thí điểm mô hình KTTH đối với ngành, lĩnh vực năng lượng, nguyên liệu, chất thải theo kế hoạch hành động; (vi) thực hiện các trách nhiệm khác liên quan đến KTTH theo quy định về BVMT .

UBND cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện: (i) xây dựng, lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan và phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện KTTH cấp tỉnh phù hợp với các kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn; (ii) tổ chức áp dụng thí điểm mô hình KTTH đối với ngành, lĩnh vực năng lượng, nguyên liệu, chất thải theo kế hoạch hành động; (iii) thực hiện các biện pháp tuyên truyền, phổ biến, chia sẻ thông tin, dữ liệu thực hiện KTTH và các quy định khác.

Đặc biệt, để phát huy sự tham gia của toàn xã hội trong thực hiện KTTH, các chủ dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp ngoài việc có trách nhiệm thực hiện KTTH theo kế hoạch hành động thì dự thảo Nghị định đã đưa ra những quy định mở theo hướng khuyến khích việc áp dụng KTTH sớm hơn lộ trình được xác định trong các kế hoạch hành động. Đối với các chủ dự án đầu tư, cơ sở, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được khuyến khích tiếp tục duy trì việc áp dụng một hoặc nhiều biện pháp để thực hiện KTTH (nếu có).

Thứ ba, cơ chế khuyến khích thực hiện KTTH

Trên cơ sở những nhận thức về các nguyên tắc, biện pháp và yêu cầu của KTTH trong tiến trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, các cơ chế khuyến khích thực hiện KTTH được đề xuất bao gồm.

Về các chính sách đầu tư của Nhà nước được xây dựng theo hướng ưu tiên đầu tư phát triển KTTH đối với các hoạt động sau nghiên cứu khoa học, phát triển ứng dụng, chuyển giao công nghệ và sản xuất thiết bị, đào tạo nhân lực để thực hiện KTTH; cung cấp nền tảng chia sẻ thông tin, dữ liệu về KTTH.

Về chính sách ưu đãi, hỗ trợ được áp dụng theo quy định về ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về BVMT, pháp luật khác có liên quan. Theo đó, các tổ chức, cá nhân thực hiện KTTH thuộc các hoạt động đầu tư công trình BVMT; hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về BVMT thuộc dự án, ngành, nghề ưu đãi đầu tư được quy định trong Nghị định sẽ được hưởng các chính sách tương

ứng về đất đai, vốn đầu tư, thuế, phí và lệ phí, trợ giá sản phẩm, dịch vụ, mua sắm công xanh. Cùng với đó, các tổ chức, cá nhân thực hiện KTTH thuộc danh mục dự án xanh được áp dụng chính sách cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh.

Ngoài ra, các biện pháp khuyến khích khác được đưa ra như: (i) khuyến khích các hoạt động phát triển KTTH như nghiên cứu, phát triển công nghệ, giải pháp kỹ thuật, cung cấp các dịch vụ tư vấn, thiết kế, đánh giá thực hiện KTTH; (ii) khuyến khích phát triển các mô hình liên kết, chia sẻ việc sử dụng tuần hoàn sản phẩm và chất thải; thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, liên minh tái chế, các mô hình liên kết vùng, liên kết đô thị với nông thôn và các mô hình khác theo quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đạt được tiêu chí của KTTH; áp dụng các biện pháp cộng sinh công nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; (iii) khuyến khích phát triển thị trường tái sử dụng sản phẩm thải bỏ, tái chế chất thải; huy động các nguồn lực trong xã hội để thực hiện KTTH theo quy định của pháp luật; hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm, kiến thức, công nghệ về KTTH theo quy định của pháp luật.

3.3. So sánh hệ thống khung khổ pháp luật của Việt Nam với thế giới về kinh tế tuần hoàn

Song song với quá trình xây dựng Chiến lược phát triển KTXH của đất nước, giai đoạn 2019 đến nay Việt Nam tiến hành sửa đổi Luật BVMT 2014 và chính thức được Quốc hội phê chuẩn là Luật BVMT 2020 với các quy định mới, phù hợp với kinh nghiệm quốc tế và kỳ vọng sẽ làm thay đổi hành vi của các chủ thể trong xã hội, tạo ra những động lực mới để khuyến khích đầu tư cho BVMT theo cách tiếp cận dựa vào thị trường.

Bảng 7. So sánh quy định, chính sách của Việt Nam với Trung Quốc và các quốc gia Châu Âu về KTTH

Ngành, lĩnh vực	Việt Nam	Trung Quốc	Châu Âu	Ngành, lĩnh vực	Việt Nam	Trung Quốc	Châu Âu
A. Khu vực sản xuất				6. Xây dựng	X		X
1. Nông, lâm, ngư nghiệp	X	X		7. Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa		X	

Ngành, lĩnh vực	Việt Nam	Trung Quốc	Châu Âu	Ngành, lĩnh vực	Việt Nam	Trung Quốc	Châu Âu
A. Khu vực sản xuất				6. Xây dựng	X		X
- Trồng trọt	X	X		8. Hoạt động khác	X	X	
- Chăn nuôi	X			**B. Tiêu dùng**			
- Nuôi trồng thủy sản				1. Trung gian	X	X	
- Lâm nghiệp		X		2. Chính phủ	X	X	X
2. Khai khoáng	X	X		3. Hộ gia đình, cá nhân	X	X	X
3. Công nghiệp chế biến, chế tạo		X		**C. Tiêu dùng trung gian**			
- Thực phẩm & đồ uống	X	X		1. Đô thị	X	X	X
- Dệt, may	X			2. Nông thôn, miền núi	X		
- Giấy và bột giấy	X			3. Khu sản xuất, kinh doanh tập trung	X	X	X
- Da, Giày			X	4. BVMT Làng nghề	X		
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa…	X	X		**D. Quản lý chất thải**			
- Hóa chất	X	X		4.1. Chất thải rắn	X		X
- Nhựa	**X**		X	4.2. Nước thải	X	X	X
- Thủy tinh				**E. Quản trị quốc gia**			
- Thép, kim loại	X	X		1. Đổi mới sáng tạo			
- Điện tử, thiết bị điện …	X	X		2. Chuyển đổi số	X	X	X

Ngành, lĩnh vực	Việt Nam	Trung Quốc	Châu Âu	Ngành, lĩnh vực	Việt Nam	Trung Quốc	Châu Âu
A. Khu vực sản xuất				6. Xây dựng	X		X
- Máy móc, thiết bị khác	X			3. Quản trị		X	X
- Ô tô và động cơ khác	X	X	X	4. Công nghệ	X	X	X
- Sửa chữa, bảo dưỡng …				5. Giáo dục			
4. Điện, khí đốt và điều hòa	X	X	X	6. Tài chính		X	X
5. Nước, rác thải, nước thải	X	X		7. Tiêu chí		X	X

** Ghi chú: dấu X cho thấy Việt Nam hoặc các quốc gia trên thế giới cùng có quy định liên quan*

Nguồn: kết quả rà soát của tập thể tác giả, 2022

Một trong những nội dung được đánh giá là tiến bộ nhất chính là Luật BVMT 2020 lần đầu tiên đưa ra quy định về KTTH. Điều 142, Luật BVMT 2020 đưa ra khái niệm về KTTH, quy định trách nhiệm "các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện lồng ghép KTTH ngay từ giai đoạn xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái chế, tái sử dụng chất thải"; "cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản lý và thực hiện các biện pháp để giảm khai thác tài nguyên, giảm chất thải, nâng cao mức độ tái sử dụng và tái chế chất thải ngay từ giai đoạn xây dựng dự án, thiết kế sản phẩm, hàng hóa đến giai đoạn sản xuất, phân phối**.** Đặc biệt, để triển khai được quy định này, Luật giao Chính phủ quy định tiêu chí, lộ trình, cơ chế khuyến khích thực hiện KTTH phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Cùng với đó, với cách tiếp cận xuyên suốt là thúc đẩy KTTH, Luật BVMT còn có nhiều quy định (công cụ chính sách) có vai trò trực tiếp hoặc gián tiếp thúc đẩy áp dụng KTTH, điển hình như EPR, mua sắm công xanh, thuế/phí BVMT, các biện pháp ưu đãi, hỗ trợ, nhãn sinh thái, tín dụng xanh, trái phiếu xanh...

So sánh các công cụ chính sách phổ biến để thúc đẩy thực hiện KTTH của các quốc gia tiểu biểu trên thế giới cho thấy tại Bảng 7 cho thấy Việt Nam đã xây dựng được hệ thống quy định khá toàn diện, đầy đủ về KTTH cả khía cạnh sản xuất, tiêu dùng, quản lý chất thải. Tuy nhiên, thực tiễn đặt ra là hiệu lực, hiệu quả của các công cụ chính sách còn hạn chế; một số công cụ có vai trò quan trọng để thúc đẩy KTTH như thuế, phí, hệ thống các tiêu chuẩn còn hạn chế hoặc chưa đồng bộ.

3.4. Thực tiễn áp dụng kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam

Thực tiễn cho thấy, Việt Nam chưa có những mô hình KTTH mang đầy đủ nội hàm nhưng xét theo mục tiêu, nội dung thì đã có những mô hình hay phương thức kinh doanh mang những biểu hiện của mô hình này khá sớm. Đối với các ngành được phân loại ở cấp 1 đều có thể ứng dụng KTTH vào quá trình vận hành trong chuỗi giá trị gia tăng hoặc gián tiếp có vai trò hỗ trợ trong quá trình ứng dụng lý thuyết của KTTH. Bảng 8 cho thấy, những biểu hiện trên thực tiễn về áp dụng các biện pháp thực hiện KTTH trong một số ngành, lĩnh vực ở Việt Nam.

Bảng 8. Biểu hiện kinh tế tuần hoàn theo một số ngành, lĩnh vực ở Việt Nam

TT	Tên một số ngành, lĩnh vực	Một số biển hiện của KTTH
A	KHU VỰC SẢN XUẤT	
1	Nông, lâm, ngư nghiệp	- Mô hình VAC, mô hình VACR trong nông nghiệp…) hướng đến tận dụng Biomas…; mô hình thu gom phế phẩm nông nghiệp như thân các loại cây, rơm, vỏ trấu; mô hình bioaquatic trong nuôi trồng thủy sản..
2	Khai khoáng	- Các hoạt động khai thác khoáng sản có tiềm năng áp dụng các nguyên tắc của KTTH ngay từ giai đoạn thiết kế các dự án khai thác mỏ để sử dụng hiệu quả chất thải từ quá trình khai thác, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường; áp dụng các giải pháp tuần hoàn ngay trong quá trình vận hành các hoạt động khai thác, tuyển khoáng;

TT	Tên một số ngành, lĩnh vực	Một số biển hiện của KTTH
3	Công nghiệp chế biến, chế tạo	- Tuần hoàn nước, các nguyên liệu, vật liệu trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã được áp dụng (ví dụ ngành giấy và bột giấy, luyện kim...); - Lĩnh vực sản xuất, cung ứng các công nghệ, thiết bị và sản phẩm hỗ trợ thực hiện KTTH (công nghiệp môi trường, công nghiệp tái chế)
4	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	- Các đơn vị thu gom, phân loại, xử lý chất thải đóng vai trò là trung gian trong thúc đẩy tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu chất thải do các hoạt động kinh tế, dân sinh gây ra. Trên thực tiễn đã có nhiều mô hình đã và đang thực hiện theo hướng này như các mô hình xử lý chất thải nhựa, ủ, chế biến phân từ rác thải, phát triển năng lượng điện từ rác thải…
5	Xây dựng	- Tận dụng, tái sử dụng, tái chế các loại chất thải trong quá trình xây dựng như đát đá, chất thải rắn từ vật liệu xây dựng như gạch, ngói, vữa, bê tông, vật liệu kết dính quá hạn sử dụng được tái chế làm vật liệu xây dựng hoặc tái sử dụng làm vật liệu san lấp cho các công trình xây dựng.
6	Giao thông	- Mô hình chuyển từ sản phẩm thành dịch vụ như trong lĩnh vực pin, ắc quy xe điện…; các mô hình kinh tế chia sẻ ngày càng phổ biến;
6	Sửa chữa, kinh doanh đồ cũ hướng đến kéo dài vòng đời sản phẩm	- Sửa chữa góp phần kéo dài vòng đời sản phẩm; hoạt động sửa chữa, tân trang khá phổ biến ở Việt Nam đối với nhiều sản phẩm, thiết bị như vận tải, điện tử, các cửa hàng buôn bán đồ cũ, trang thương mại điện tử kinh doanh đồ cũ;

TT	Tên một số ngành, lĩnh vực	Một số biển hiện của KTTH
7	Năng lượng	- Tiết kiệm năng lượng, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; - Đốt rác thu hồi năng lượng, phát triển năng lượng tái tạo được triển khai ở Hậu Giang, Hà Nội và một số địa phương.
8	Các dịch vụ khác	- Hoạt động dịch vụ tư vấn, đánh giá và cung cấp công nghệ, thiết bị và giải pháp liên quan đến KTTH; đào tạo, tập huấn về KTTH được một số trường đại học quan tâm triển khai;
B	TIẾP CẬN CẤP TRUNG GIAN (Meso)	
1	Khu công nghiệp, cụm công nghiệp	- Mô hình KCN sinh thái Nam Cầu Kiền ở Hải Phòng là một mô hình đang có những sáng kiến, hành động nỗ lực áp dụng các giải pháp cộng sinh công nghiệp, thực hiện tuần hoàn trong nôi bộ khu công nghiệp.
2	Khu đô thị, khu dân cư	- Một số hoạt động thí điểm tại các cụm dân cư như gói rau, củ, quả bằng lá chuối; dùng bình nước bằng thủy tinh, ống hút bằng tre hoặc giấy; sử dụng ly giấy thay ly nhựa, túi vải thay túi nilon, sử dụng giỏ đi chợ để hạn chế túi nilong….
C	KHU VỰC TIÊU DÙNG	
	Tiêu dùng trung gian	- Thị trường các nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ tái chế, tái sử dụng các sản phẩm đã được hình thành. Một số trang thương mại điện tử đã được vận hành khá hiệu quả.
	Tiêu dùng của Chính phủ	- Các quy định pháp luật về mua sắm công xanh đang được hoàn thiện; Chính phủ, các cơ quan Bộ/ngành, địa phương và các doanh nghiệp nhằm tiến tới tích hợp các tiêu chí môi trường vào quy trình mua sắm.

TT	Tên một số ngành, lĩnh vực	Một số biển hiện của KTTH
	Tiêu dùng của hộ gia đình	- Thúc đẩy tiêu dùng các sản phẩm được dán nhã sinh thái, nhẫn tiết kiệm năng lượng được quan tâm; việc sử dụng các sản phẩm sinh thái, sản phẩm tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo có xu hướng tăng lên
D	QUẢN LÝ CHẤT THẢI	
	Chất thải rắn	Một số mô hình thể hiện cách tiếp cận của kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực tái chế chất thải như: + Tái chế sắt vụn, nhôm, đồng, kẽm, thủy tinh, giấy, nhựa…từ phế liệu trong sản xuất công nghiệp quy mô lớn, vừa và nhỏ hoặc các làng nghề; + Các nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ rác thải sinh hoạt, sản xuất đất sạch từ bùn thải nạo vét, bùn thải nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt; + Các cơ sở tái sử dụng phế thải nông nghiệp trồng nấm rơm, mộc nhĩ (nấm mèo), nấm mỡ …; ủ thức ăn chăn nuôi trâu bò; + Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng từ tro xỉ, thạch cao phát sinh từ các nhà máy nhiệt điện đốt than, nhà máy phân bón, hóa chất,. … + Các nhà máy sản xuất viên nhiên liệu nén (RDF), viên nhựa nén (RPF) từ chất thải sinh hoạt, công nghiệp, rác thải sinh hoạt. + Các nhà máy đốt rác có thu hồi năng lượng; đốt rác thải phát điện. + Các nhà máy nhiệt phân lốp cao su, chất thải cao su, nhựa thành nhiên liệu lỏng đốt nồi hơi.

TT	Tên một số ngành, lĩnh vực	Một số biển hiện của KTTH
		+ Các nhà máy tái chế chất thải nguy hại (Tái chế axit thải, dung môi hữu cơ thải, dầu nhớt thải; pin acquy thải …).
	Nước thải	Tuần hoàn nước thải trong các KCN như trường hợp KCN Nam Cầu Kiền Các trạm xử lý nước thải bằng công nghệ RO phục vụ tái sử dụng cho sản xuất; xử lý nước thải đạt yêu cầu tưới cây, nuôi trồng thủy sản …).
	Khí thải	Các hệ thống xử lý khí thải bằng công nghệ lọc bụi túi vải để thu hồi sản phẩm. Các nhà máy thu hồi CO_2 (ví dụ nhà máy bia), thu hồi khí SO_2 (các nhà máy nhiệt điện …).

Nguồn: Tổng hợp, 2022

Nhìn chung, ở Việt Nam các ngành, lĩnh vực và ở mỗi địa phương đều có những khía cạnh đã, đang và có thể ứng dụng nguyên tắc của KTTH hướng tới mục tiêu chung. Các tác nhân quan trọng trong mắt xích hướng tới KTTH đầu tiên phải kể đến trong nội tại các ngành, tiếp đến là các công ty cung cấp dịch vụ môi trường (bên trung gian), các cơ sở, làng nghề thu gom, tái chế, của hàng buôn bán, trao đổi đồ cũ… Tuy nhiên, thực tiễn các sáng kiến, mô hình KTTH hướng đến mục tiêu sử dụng hiệu quả tài nguyên, tái chế, tái sử dụng chất thải vẫn thiếu tính hệ thống, chưa bền vững, sự tham gia của toàn xã hội, đặc biệt là khu vực kinh tế ngoài Nhà nước, doanh nghiệp vừa và nhỏ, cộng đồng dân cư còn thấp, thiếu bền vững và thậm chí tiềm ẩn nguy cơ gây tác động đáng kể đến các mục tiêu bảo vệ môi trường khác. Vì vậy, cần có những chính sách thích hợp để thúc đẩy mạnh mẽ sự hoạt động và tham gia sâu vào quá trình tuần hoàn của những tác nhân này, tiếp tục có các biện pháp chính sách để khuyến khích các sáng kiến, mô hình đã, đang và sẽ áp dụng các giải pháp thực hiện KTTH. Cùng với đó, để KTTH thực sự trở thành một xu hướng phổ biến đòi hỏi cần phải dựa trên tiếp cận hệ thống với có sự tham gia, phối hợp chặt chẽ của tất cả các bên. Do đó, cần có những quy

định xác định trách nhiệm của các các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong thực hiện KTTH.

3.5. Thuận lợi, khó khăn trong áp dụng kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam

3.5.1. Thuận lợi

Những điểm thuận lợi chính để Việt Nam chuyển đổi sang KTTH dưới góc độ chính sách, pháp luật như sau:

- Chủ trương về phát triển KTTH đã được khẳng định trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 13 của Đảng, đặc biệt là trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2030. Hệ thống pháp luật đang dần được hoàn thiện với cách tiếp cận dựa vào thị trường, tôn trọng các nguyên tắc và quy luật của kinh tế thị trường ngày càng được nhất quán và đồng bộ.

- Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ trong nước, cách mạng công nghiệp 4.0 và internet đã và đang góp phần hình thành ra những giải pháp mới, mô hình kinh doanh mới theo hướng tiết kiệm, hiệu quả hơn.

- Sự chuyển dịch của dòng vốn tài chính trên toàn cầu theo hướng xanh ngày càng mạnh mẽ. Xu hướng phát triển thị trường tín dụng xanh và trái phiếu xanh đã phát triển từ 20 năm gần đây trên thế giới với các dự án tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo và công nghệ sạch cùng các dự án có gắn các mục tiêu môi trường nhằm hướng đến mục tiêu "kép" là tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Đến nay, tín dụng xanh và trái phiếu xanh trên toàn cầu đã trở thành 2 nguồn tài chính xanh lớn nhất, có vai trò quyết định cho đầu tư xanh, bảo vệ môi trường, thực hiện KTTH và chống biến đổi khí hậu và sẽ tiếp tục gia tăng mạnh mẽ trong thời gian tới để đáp ứng nhu cầu tài chinh xanh to lớn cho mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 vào giữa thế kỷ 21[2].

- Sự vào cuộc của các Bộ, ngành như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Công an…; các địa phương

[2] Theo Tổ chức Sáng kiến Trái phiếu Khí hậu (CBI), tổng dư nợ Trái phiếu xanh toàn cầu đến tháng 7/2022 đạt 1.907 tỷ US$ và lượng phát hành trái phiếu xanh chỉ riêng 7 tháng năm 2022 đạt gần 300 tỷ US$, năm 2021 đạt 509 tỷ US$, trong đó 200 tỷ US$ được đánh giá và xác nhận bởi các tổ chức đánh giá độc lập và 290 tỷ USD vào năm 2020 (trong đó Năng lượng tái tạo, Công trình xanh, và Giao thông xanh lần lượt là ba nhóm Sử dụng Tiền thu được (UOP) lớn nhất, chiếm 85% trên tổng số tiền thu được vào năm 2020), so với 266,5 tỷ USD năm 2019 và 171,4 tỷ USD năm 2018. CBI dự báo giá trị phát hành trái phiếu xanh sẽ cán mốc nghìn tỷ đô phát hành trái phiếu xanh hàng năm vào năm 2023. Theo Tổ chức năng lượng quốc tế (IEA), để giảm một nửa lượng khí thải toàn cầu vào năm 2050, thế giới sẽ cần đến 46 nghìn tỷ USD, tương đương với 1 nghìn tỷ USD/năm.

như Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Bắc Ninh… Đặc biệt, sự hưởng ứng ngày càng mạnh mẽ của cộng đồng doanh nghiệp như Vinamilk, Liên minh tái chế rác (Pro Việt Nam), Coca-Cola...

- Nhận thức, quyền lực và nhu cầu của người tiêu dùng trong nước có xu hướng tích cực, tạo ra áp lực và động lực đổi mới cho khu vực sản xuất, cung ứng các dịch vụ trong nền kinh tế để thực hiện sản xuất sạch hơn, sản xuất và cung ứng các sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ thân thiện với môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

- Tiến trình hội nhập quốc tế, thực hiện các cam kết thương mại trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA) đã và đang tạo ra các áp lực phải chuyển đổi đối với khu vực sản xuất, kinh doanh trong nước. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về sản phẩm, hàng hóa gắn với mục tiêu thúc đẩy tái chế, tái sử dụng, tuân thủ quy định về môi trường ngày càng chặt chẽ đòi hỏi các doanh nghiệp phải đổi mới.

- Ở trong nước một số thị trường mới đang hình thành như thị trường về hàng hóa và dịch vụ môi trường, thị trường nguyên liệu thứ cấp, thị trường các sản phẩm thân thiện môi trường, thị trường trái phiếu xanh, tín dụng xanh, thị trường việc làm xanh.

- Sự vào cuộc của cộng đồng quốc tế, xu hướng ngày càng phổ biến trong áp dụng KTTH của các quốc gia trên thế giới bao gồm cả quốc gia phát triển, đang phát triển và quốc gia trong khu vực. Đặc biệt, sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, các chuyên gia, nhà khoa học trong việc ủng hộ chủ trương chuyển đổi này ngày càng mạnh mẽ để cung cấp các bài học thành công, thất bại, các kinh nghiệm trong xây dựng và hoàn thiện chính sách.

3.5.2. Khó khăn

Mặc dù có những thuận lợi để chuyển đổi sang KTTH nhưng đối chiếu với thực tiễn cho thấy, Việt Nam còn nhiều khó khăn, vướng mắc cần phải tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện. Dưới đây là một số điểm khó khăn, vướng mắc được bài viết tổng hợp:

- Tư duy hệ thống trong hoạch định, điều hành chính sách, pháp luật và thực tiễn sản xuất, kinh doanh chưa đồng bộ, hiệu quả. Tiếp cận hệ thống là thìa khóa của KTTH, KTTH đòi hỏi từ các nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý,

các chủ dự án đầu tư, chủ cơ sở sản xuất kinh doanh phải tư duy lại về cách thức phát triển, phương thức phối hợp, điều hành đến thiết kế sản phẩm, quy trình phân phối hàng hóa. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc chưa đồng bộ trong hệ thống chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, sự phối hợp chưa hiệu quả giữa các cấp, các ngành còn hạn chế; tư duy liên ngành, liên vùng trong xây dựng, phê duyệt các quy hoạch, kế hoạch phát triển; quản lý, tái chế, tái sử dụng chất thải còn chưa đồng bộ, hiệu quả.

- Tính hiệu lực, hiệu quả của các quy định pháp luật còn hạn chế. Rà soát và đối chiếu với kinh nghiệm quốc tế cho thấy, Việt Nam đã và đang hình thành được một hệ thống công cụ chính sách khá toàn diện để thúc đẩy chuyển đổi sang KTTH, đặc biệt là trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, việc triển khai thực thi các văn bản, quy định pháp luật trong thực tế còn có một khoảng cách khá xa, nhiều đơn vị, tổ chức chưa thực sự nghiêm túc và chủ động trong việc tuyên truyền, triển khai các quy định pháp luật, biện pháp chính sách đã có.

- Các tổ chức, cá nhân sản xuất và cá nhân sản xuất - kinh doanh vẫn lấy mục tiêu ngắn hạn về lợi nhuận mà chưa cân nhắc đến các lợi ích lâu dài, bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Chưa tạo ra được những động lực đột phá để huy động nguồn lực, đặc biệt là khu vực ngoài Nhà nước. Chính vì vậy, nhiều tổ chức cá nhân bất chấp các quy định về môi trường để giảm thiểu chi phí ngắn hạn, tình trạng vi phạm pháp luật về môi trường gia tăng. Một số doanh nghiệp có ý định thực hiện KTTH nhưng động lực xuất phát từ việc hưởng các ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước mà chưa xem xét trên cơ sở lợi ích kinh tế, trách nhiệm xã hội của mình.

- Thị trường các lĩnh vực hàng hóa và dịch vụ môi trường, sản phẩm thân thiện với môi trường, sản phẩm tái chế chưa thực sự được quan tâm, hỗ trợ để vận hành đồng bộ với xu hướng của thế giới. Một trong những nguyên nhân là chưa có đầy đủ bộ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về sản phẩm, hàng hóa và chất thải để làm căn cứ áp dụng các biện pháp của kinh tế tuần hoàn, xem chất thải là tài nguyên dẫn đến chưa hình thành được thị trường nguyên liệu, nhiên liệu thứ cấp.

- Vai trò của Nhà nước trong tạo dựng, hỗ trợ phát triển, điều tiết thị trường và hành vi của các chủ thể thị trường để hướng đến mục tiêu khai thác, sử dụng

tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, thúc đẩy hoạt động sản xuất và tiêu dùng các hàng hóa và dịch vụ môi trường, sản phẩm thân thiện môi trường còn yếu.

- Một số công cụ chính sách như đầu tư công, quyền lợi của người tiêu dùng, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường, khoa học và công nghệ, ... chưa đồng bộ, thống nhất để điều tiết hiệu quả hành vi của các chủ thể về các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng minh bạch, công bằng, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững trong nền kinh tế; chưa tạo ra các áp lực tài chính và động lực để thúc đẩy đổi mới công nghệ, nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, người tiêu dùng nhằm thực hiện các mục tiêu của KTTH.

- Hệ thống tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, hệ thống thông tin, dữ liệu và cơ chế kiểm tra, giám sát việc triển khai, áp dụng KTTH chưa được hình thành. Đặc biệt, hiện nay sự vào cuộc của khá nhiều các Bộ, ngành, hiệp hội, trường Đại học, Viện nghiên cứu về chủ đề này nhưng lại đang thiếu một cơ quan có vai trò hướng dẫn, điều phối việc triển khai, thực thi KTTH đúng bản chất, đồng bộ.

- Hành vi của người sản xuất, người tiêu dùng theo hướng thân thiện với môi trường còn chưa phổ biến. Sản xuất sạch, sản xuất có trách nhiệm, tiêu dùng sạch, tiêu dùng bền vững vẫn là khái niệm được nêu trong các định hướng chính sách, văn bản pháp luật mà chưa phổ biến áp dụng trên thực tế. Ý thức, trách nhiệm về khai thác, sử dụng, quản lý tài nguyên theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, bền vững; thu gom, phân loại, tái chế, tái sử dụng chất thải trong các hoạt động kinh tế, dân sinh vẫn còn hạn chế, hành vi xả thải bừa bãi vẫn diễn ra phổ biến ở nhiều đối tượng.

- Nguồn lực tài chính cho thực hiện việc chuyển đổi sang KTTH đòi hỏi rất lớn nhưng thực tiễn cho thấy nguồn lực này chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác huy động các nguồn lực từ xã hội chưa hiệu quả. Cơ chế chính sách ưu đãi về đầu tư trong xử lý chất thải rắn đã được thể chế hóa nhưng thực tiễn triển khai áp dụng còn nhiều khó khăn do việc tiếp cận các nguồn vốn vay còn quá nhiều hạn chế, chưa thực sự khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ quản lý môi trường còn hạn chế; chưa đáp ứng yêu cầu, công nghệ sản xuất còn lạc hậu. Công nghệ thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải còn thiếu đồng bộ, chủ yếu vẫn là chôn lấp. Vị trí của Việt Nam về mức độ sẵn sàng cho Cách mạng công nghiệp 4.0 so với các nước trong khu vực và trên thế giới còn khá hạn chế. Bên cạnh đó, quy mô sản

xuất kinh doanh nhỏ lẻ, manh mún của các hộ gia đình, doanh nghiệp chưa chuyển biến để đáp ứng việc đầu tư công nghệ cao cho quá trình phục vụ KTTH, việc liên kết trong sản xuất, kinh doanh còn khá yếu.

- Khó khăn từ bối cảnh toàn cầu việc tiếp cận KTTH và các biện pháp thúc đẩy KTTH trong khu vực và trên thế giới thiếu đồng nhất. Các quy định chính sách có vai trò trực tiếp thúc đẩy KTTH như trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPRs), mua sắm công xanh, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, các cam kết mở cửa thị trường đối với các hàng hóa và dịch vụ liên quan đến KTTH đều chưa thống nhất.

- Hệ thống thông tin, dữ liệu và cơ chế chia sẻ chưa đáp ứng yêu cầu để giám sát, đánh giá các mục tiêu của KTTH.

4. BỐI CẢNH VÀ ĐỀ XUẤT QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN KINH TẾ TUẦN HOÀN

4.1. Bối cảnh

4.1.1. Bối cảnh quốc tế

Mô hình tăng trưởng kinh tế tuyến tính dựa nhiều vào tiêu thụ các loại nhiên liệu và năng lượng, bên cạnh một số lợi ích thu được, đã làm gia tăng mạnh khai thác tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu[3]. Để ứng phó với các thách thức toàn cầu đang đặt ra, các sáng kiến về phát triển các mô hình kinh tế xanh, ít chất thải, các bon thấp và tuần hoàn đang nhận được sự hưởng ứng của nhiều quốc gia, cộng đồng doanh nghiệp trên toàn thế giới bởi chính những lợi ích thiết thực cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Kinh tế tuần hoàn (KTTH) đang được xem là xu thế tất yếu của thời đại, được đồng thuận toàn cầu và được các nước trên thế giới coi là cuộc cách mạng công nghiệp xanh của thế kỷ 21, là cơ hội để cộng đồng toàn cầu chung tay thực hiện cam kết quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, nhằm mục tiêu phát triển bền vững vì sức khỏe của người dân, môi trường thiên nhiên và Trái Đất. Đến nay, trên thế giới có hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ đã, đang và dự kiến sẽ xây dựng các lộ trình thực hiện KTTH[4]. Trong khu vực ASEAN, Ủy ban ASEAN đã

[3] Theo ước tính của Liên hợp quốc, đến năm 2030 nếu tiếp tục phát triển với mô hình kinh tế tuyến tính (dựa trên quá trình khai thác, sản xuất, tiêu dùng và cuối cùng thải loại ra môi trường), nhu cầu sử dụng tài nguyên sẽ tăng gấp 3 lần so với hiện nay, vượt ngoài khả năng cung ứng của Trái Đất, lượng chất thải sẽ vượt giới hạn sức chịu tải của môi trường.

[4] Điển hình như: Kế hoạch hành động KTTH lần thứ 2 của Liên minh Châu Âu ban hành lần thứ 2 kèm theo khung giám sát và các chỉ tiêu về kinh tế tuần hoàn để định hướng chung cho toàn khối, nhiều chiến lược, định

ban hành Khung KTTH cho Cộng đồng kinh tế ASEAN vào năm 2021 với tầm nhìn dài hạn về KTTH dựa trên các sáng kiến hiện có và xác định các trọng tâm ưu tiên để đẩy nhanh tiến trình hiện thực hóa nền KTTH trong toàn khối ASEAN.

Cùng với đó, các Hiệp định, Thoả thuận quốc tế, bao gồm các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới...đòi hỏi cộng đồng quốc tế và các quốc gia thành viên cam kết về phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Nhiều quốc gia, khu vực đang có những qui định cụ thể để thúc đẩy áp dụng KTTH như việc ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật về tỷ lệ tái chế bắt buộc, quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm, hàng hóa để thực hiện các mục tiêu của KTTH như hạn chế sử dụng nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm tác động xấu đến môi trường, điển hình trong lĩnh vực dệt may, da giầy, nhựa, gỗ…; nhiều sáng kiến tài chính, kinh doanh mới vận dụng các chiến lược và giải pháp của KTTH được các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phát triển trên thực tiễn mang lại cả lợi ích về kinh tế, xã hội và môi trường.

4.1.2. Bối cảnh trong nước

Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trong khu vực ASEAN đã đưa định hướng phát triển kinh tế tuần hoàn vào trong Chiến lược phát triển KTXH 2021-2030, rất nhiều Nghị quyết, Chiến lược phát triển, Chương trình và đề án của Trung ương ban hành đã đưa kinh tế tuần hoàn như một cách tiếp cận và giải pháp quan trọng để giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa kinh tế với môi trường trong bối cảnh tài nguyên ngày càng cạn kiệt, môi trường ngày càng ô nhiễm, suy thoái, biến đổi khí hậu do hệ quả của phát triển các mô hình kinh tế tuyến tính – mô hình mà tăng trưởng về GDP, lợi nhuận chủ yếu dựa vào khai thác, chế biến, sản xuất, tiêu dùng và thải bỏ. Đặc biệt, Luật Bảo vệ môi trường 2020 đã sớm tiếp cận với xu hướng của thế giới, các định hướng từ Trung ương để xem phát triển kinh tế tuần hoàn là một trong những ưu tiên, khuyến khích để thực hiện các mục tiêu bảo vệ môi trường nói riêng, 17 mục tiêu phát triển bền vững mà Việt Nam cam kết nói chung.

Ở Việt Nam, tăng trưởng và phát triển chủ yếu dựa vào các nguồn tài nguyên, lao động giá rẻ đã giúp đạt được nhiều thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng

hướng hoặc quy định cụ thể để thúc đẩy áp dụng KTTH được ban hành bởi Liên minh Châu Âu như dệt may, điện tử, nhựa, vật liệu xây dựng...

về cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm, suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu[5]. Mặc dù, nhiều bộ, ngành và địa phương đã nỗ lực có các hành động nhưng tình trạng sản xuất và tiêu dùng chưa bền vững vẫn phổ biến, mức độ phát sinh chất thải bình quân đầu người ngày càng cao, tài nguyên, môi trường và BĐKH chưa thực sự được đặt ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển; chất thải chưa được xem là tài nguyên.

Nhận thức rõ bối cảnh quốc tế, trong nước đặt ra cho phát triển bền vững nói chung, tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH, Việt Nam đã ban hành những chủ trương, chính sách và quy định pháp luật để thúc đẩy xây dựng, phát triển KTTH. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, ban hành kèm theo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 – 2030 đã khẳng định "khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất". Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, và nhiều Nghị quyết khác được Ban Chấp Hành Trung ương Đảng ban hành gần đây cũng đề cập trực tiếp đến việc cụ thể hóa kinh tế tuần hoàn vào các ngành, lĩnh vực hoặc vùng cụ thể của đất nước. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã đưa ra qui định về kinh tế tuần hoàn (tại Điều 142); hướng dẫn chi tiết về tiêu chí, cách thức áp dụng, phân công trách nhiệm và cơ chế khuyến khích áp dụng KTTH. Ngoài ra, nhiều công cụ chính sách quan trọng có vai trò điều chỉnh hành vi của người sản xuất, tiêu dùng trong nền kinh tế theo hướng thân thiện với môi trường sẽ góp phần thúc đẩy thực hiện KTTH một cách toàn diện, hiệu lực và hiệu quả[6]. Đặc biệt, để cụ thể hóa nhiệm

[5] Cụ thể là: (1) Chỉ tính riêng về tiêu thụ than, kể từ năm 2015 chúng ta đã trở thành nước nhập khẩu ròng than đá, dự báo tới năm 2030, nước ta có thể phải nhập khẩu tới 100 triệu tấn than mỗi năm; (2) Hiệu quả sử dụng tài nguyên nước còn thấp so với thế giới và khu vực: Với mỗi đơn vị (m3) nước, Việt Nam chỉ tạo ra 2,37 đôla GDP, khoảng 1/10 so với mức trung bình toàn cầu là 19,42 đôla, thấp hơn Lào 2,53 đôla GDP, Philippin 2,58 đôla GDP. Mối đe dọa chính là tác động của nguồn nước ô nhiễm lên sức khỏe con người, có thể làm giảm 3,5% GDP vào năm 2035; (3) Lượng phát thải ngày càng gia tăng: từ 28 triệu tấn chất thải thông thường năm 2009 lên 35,7 triệu tấn vào năm 2015 . Riêng đối với chất thải rắn sinh hoạt đô thị, ước tính phát sinh trên toàn quốc tăng trung bình từ 10-16% mỗi năm . Phần lớn lượng rác thải thải được chôn lấp, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được giảm thiểu hoặc tái chế tại các cơ sở xử lý chỉ đạt khoảng 42%; (4) Ô nhiễm môi trường diễn biến phức tạp: theo Ngân hàng thế giới, chỉ riêng ô nhiễm không khí đã khiến Việt Nam mất đi 5,18% GDP của năm 2013. Ô nhiễm nước cũng có thể gây thiệt hại tới 3,5% GDP vào năm 2035. Đó là chưa tính tới ô nhiễm đất, và suy thoái đất đang ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp và tác động của biến đổi khí hậu; (5) Một số ngành được coi là có khả năng tái chế cao, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Ví dụ như ngành giấy, tỉ lệ giấy đã sử dụng thu hồi được so với tổng lượng giấy tiêu dùng chỉ ở mức khoảng 25%, rất thấp so với khu vực. Nếu có thể tăng gấp đôi tỉ lệ thu hồi, Việt Nam không cần nhập khẩu giấy phế liệu và có thể thay thế một phần nguồn nguyên liệu khác như gỗ, đay...

[6] Ví dụ như: phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, tính giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích; trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất và nhập khẩu; tái chế, tái sử dụng chất thải, phát triển ngành công nghiệp môi trường, dịch vụ môi trường, tín dụng xanh, trái phiếu xanh...

vụ được giao về xây dựng lộ trình thực hiện kinh tế tuần hoàn trong Luật bảo vệ môi trường, đồng thời đảm phù hợp với thông lệ chung của quốc tế, Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường[7] đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn theo các nội dung được nêu tại 5 Điều 139 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP trước ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn được xây dựng đảm bảo đồng bộ với các chủ trương, định hướng chính sách của Đảng, Nhà nước; đánh giá và lựa chọn các hành động ưu tiên theo mức độ sẵn sàng của hệ thống pháp luật, thực tiễn và tiềm năng áp dụng trong nước, bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước có liên quan để thiết lập các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu và các nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình tọng tâm, kinh phí và tổ chức thực hiện KTTH từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.

4.2. Đề xuất một số quan điểm, giải pháp để thực hiện kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam

Kinh tế tuần hoàn đã trở thành xu hướng phổ biến được cộng đồng quốc tế nghiên cứu và từng bước được thể chế hóa vào các chính sách, hành động cụ thể của mỗi quốc gia. Đây là cách tiếp cận thay thế cho kinh tế tuyến tính, đã được Liên hợp quốc và nhiều tổ chức trên thế giới đánh giá là cách tốt nhất để phá vỡ mối liên hệ lâu nay giữa tăng trưởng kinh tế và ô nhiễm môi trường. Theo đó, kinh tế tuần hoàn không chỉ là tái sử dụng chất thải, coi chất thải là tài nguyên mà còn là sự kết nối giữa các hoạt động kinh tế một cách có tính toán từ trước, tạo thành các vòng tuần hoàn trong nền kinh tế. Từ đó, kinh tế tuần hoàn giúp giảm thiểu khai thác tài nguyên thiên nhiên, hạn chế chất thải ra môi trường, nhưng vẫn thúc đẩy phát triển kinh tế. So với kinh tế tuyến tính truyền thống, kinh tế tuần hoàn mang lại nhiều lợi ích đối với quốc gia, cộng đồng và doanh nghiệp.

Ở Việt Nam, phát triển kinh tế tuần hoàn đã được xác định là một trong những mô hình kinh tế ưu tiên để thực hiện định hướng quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu" trong giai đoạn phát triển tiếp theo của đất nước. Theo đó, văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 13 của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chiến lược phát triển

[7] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2045 đã khẳng định *"khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất"*. Luật Bảo vệ môi trường 2020 đã có một Điều riêng (Điều 142) quy định về kinh tế tuần hoàn. Trong đó, xác định kinh tế tuần hoàn là *"mô hình kinh tế mà trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm thiểu khai thác nguyên vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và loại bỏ các tác động tiêu cực tới môi trường"*. Bên cạnh đó, rất nhiều Điều, khoản khác có vai trò thúc đẩy thực hiện kinh tế tuần hoàn, như: phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (Điều 75), tính giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích (Điều 79); trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất và nhập khẩu – EPR (Điều 54, Điều 55); tái chế, tái sử dụng chất thải, phát triển ngành công nghiệp môi trường, dịch vụ môi trường, tín dụng xanh, trái phiếu xanh...

Trong bối cảnh hiện nay, thực hiện kinh tế tuần hoàn được xem như là đang được xem là một trong những cách tiếp cận phù hợp để thúc đẩy phục hồi nền kinh tế để góp phần giải quyết các thách thức đã và đang đặt ra cho nền kinh tế, góp phần giải quyết các thách thức về nguồn cung các nguyên liệu, nhiên liệu; nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn tự nhiên, giảm thiểu các chất thải, giảm khí nhà kính và bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên. Về lâu dài, việc thực hiện kinh tế tuần hoàn đầy đủ và mang tính hệ thống sẽ là giải pháp để giải quyết tốt mối quan hệ giữa kinh tế với môi trường; tạo ra sự tách rời giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế là cơ hội lớn để thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng kinh tế xanh, tạo ra việc làm xanh, là công cụ để tách rời tăng trưởng kinh tế khỏi việc sử dụng tài nguyên và tác động đến môi trường. Thực hiện kinh tế tuần hoàn không chỉ giải quyết các tác động tiêu cực của nền kinh tế tuyến tính, mà quan trọng hơn nó thể hiện một sự thay đổi có tính hệ thống nhằm xây dựng khả năng phục hồi lâu dài, tạo ra các cơ hội kinh doanh và kinh tế, đồng thời mang lại các lợi ích về môi trường và xã hội.

Thực hiện được kinh tế tuần hoàn là một định hướng lâu dài và còn nhiều thách thức cả về thể chế, hạ tầng, công nghệ, văn hóa... đòi hỏi các quốc gia, địa phương phải có cách tiếp cận hệ thống, có cơ chế phối hợp đồng bộ, hiệu quả. Đặc biệt, huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, các nhà đầu tư vào thực hiện các mô hình kinh doanh theo hướng của kinh tế tuần hoàn là hết sức quan trọng, là giải pháp phù hợp để thúc đẩy phục hồi xanh nền kinh tế phù hợp

với bối cảnh hiện nay.

Để đưa kinh tế tuần hoàn vào thực tiễn ở Việt Nam, trong tọa đàm này, thay mặt cho Bộ Tài nguyên và Môi trường tôi tôi đề xuất một số các ưu tiên thực hiện để phát triển KTTH như sau:

Về một số quan điểm chung để phát triển KTTH

Thứ nhất, phát triển kinh tế tuần hoàn là giải pháp trọng tâm để đổi mới mô hình, nâng cao chất lượng tăng trưởng, cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia, bảo đảm sản xuất và tiêu dùng bền vững, góp phần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa kinh tế với môi trường trong bối cảnh của biến đổi khí hậu;

Thứ hai, thực hiện Kinh tế tuần hoàn là tiến trình dài và liên tục, cần được đánh giá và điều chỉnh trên cơ sở đảm bảo tính kế thừa trong suốt quá trình thực hiện. Tận dụng tối đa lợi thế, tiềm năng, đặc điểm của các ngành, lĩnh vực, từng vùng, miền và địa phương để lựa chọn, nghiên cứu, thí điểm, nhân rộng và phát triển các mô hình Kinh tế tuần hoàn phù hợp, hiệu quả, giàu tính cạnh tranh;

Thứ ba, Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tăng cường nghiên cứu, ứng dụng thành quả khoa học và công nghệ của Cách mạng Công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số, gắn với áp dụng KTTH ngay từ giai đoạn thiết kế, sản xuất, phân phối, thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải là tiền đề để đẩy nhanh, đẩy mạnh KTTH, tạo ra ngày càng nhiều chuỗi giá trị gia tăng mới, hiệu quả cao hơn và thân thiện với môi trường hơn;

Thứ tư, Phát huy nội lực, tính độc lập, tự chủ trong thực hiện KTTH, đồng thời tích cực tận dụng và thu hút các cơ hội, nguồn lực đầu tư từ bên ngoài. Hình thành và phát triển văn hóa tuần hoàn, bền vững trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng phù hợp với đặc trưng, điều kiện của từng vùng, miền và địa phương.

Các nhóm nhiệm vụ ưu tiên cần tập trung thời gian tới gồm:

Một là, ưu tiên nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng và phát triển các thực hành tốt về thực hiện kinh tế tuần hoàn.

Tập trung đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, pháp luật, thay đổi thói quen, nhận thức và hành động hướng đến hình thành xã hội tuần hoàn vật chất, tạo dựng nét văn hóa, thói quen tốt áp dụng KTTH trong khai thác, sử dụng bền vững các nguồn vốn tự nhiên; thay đổi tư duy coi trọng lợi ích kinh tế trước mắt mà bỏ qua các lợi ích lâu dài về môi trường, xem

chất thải là tài nguyên và là nguồn lực đầu vào cho sản xuất, kinh doanh. Nâng cao kiến thức, pháp luật về KTTH đến tất cả các tổ chức, cá nhân trong xã hội.

Hai là, xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế tuần hoàn.

- Hình thành cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành để thúc đẩy thực hiện KTTH; tiếp tục hoàn thiện, phát huy vai trò của các quy định pháp luật có vai trò hỗ trợ KTTH hiện hành;

- Chỉnh sửa, bổ sung hoặc ban hành các chính sách, quy định pháp luật mới để hình thành một khung khổ pháp luật đầy đủ, đồng bộ, hiệu quả để thúc đẩy thực hiện KTTH toàn diện. Trong đó, đặc biệt ưu tiên hoàn thiện quy định, gỡ bỏ các rào cản pháp luật để đưa các quy định hiện hành có vai trò thúc đẩy thực hiện kinh tế tuần hoàn vào thực tiễn như: ưu đãi, hỗ trợ, kỹ thuật hiện có tốt nhất, trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, nhập khẩu (EPR), tín dụng xanh, trái phiếu xanh; ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

Ba là, hỗ trợ thúc đẩy áp dụng kinh tế tuần hoàn trong sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, áp dụng thành tựu của khoa học và công nghệ, cách mạng công nghiệp 4.0 để phát triển các mô hình kinh doanh tuần hoàn, các mô hình tiêu dùng bền vững.

- Hình thành không gian đổi mới, sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng trên cơ sở áp dụng các nguyên tắc, giải pháp thực hiện KTTH; tăng cường vai trò của đổi mới, số hóa và các công nghệ xanh, công nghệ mới nổi để thúc đẩy thực hiện KTTH;

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của xã hội cho thực hiện KTTH bao gồm: nguồn nhân lực, tài lực, vật lực, nguồn nhà nước, tư nhân cho KTTH; hình thành các cơ chế tài chính mới, đặc thù cho KTTH;

- Thúc đẩy đổi mới, sáng tạo áp dụng các giải pháp thực hiện KTTH ngay từ giai đoạn thiết kế sản phẩm, dự án, quy trình sản xuất kinh doanh, dịch vụ; thiết lập lộ trình gắn với các loại hình sản phẩm, dự án đầu tư cần phải thực hiện thiết kế sinh thái, các nguyên tắc căn bản của thiết kế sinh thái và trách nhiệm của các cấp, các ngành để thực hiện KTTH;

- Hình thành và phát triển thị trường các hàng hóa và dịch vụ; tạo dựng các chuỗi giá trị gia tăng và bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng trong thực hiện KTTH;

- Thúc đẩy mua sắm xanh, đặc biệt là mua sắm công xanh trong hoạt động đầu tư của các cơ quan nhà nước các cấp.

Bốn là, Ưu tiên thực hiện quản lý chất thải để thực hiện kinh tế tuần hoàn thông qua các giải pháp cụ thể để phân loại, thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn, nước thải, khí thải. Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật như hạ tầng thu gom, phân loại và xử lý chất thải; hạ tầng số … cho KTTH.

Năm là, tăng cường liên kết, hợp tác trong nước và quốc tế, tổ chức hoạt động giám sát, đánh giá thực hiện kinh tế tuần hoàn. Trong đó, cần tận dụng tối đa các nguồn lực, phát huy vai trò của các hiệp hội ngành nghề trong thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp, cơ sở kinh tế để thực hiên kinh tế tuần hoàn; trong tư vấn, đánh giá và hỗ trợ thực hiện kinh tế tuần hoàn.

Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thực hiện kinh tế tuần hoàn:

Với quan điểm kinh tế tuần hoàn là cơ hội và là trách nhiệm của toàn xã hội, việc khuyến khích tất cả các thành phần kinh tế (nhà nước, tư nhân, tập thể, có vốn đầu tư nước ngoài...) thuộc tất cả các thành phần kinh tế tham gia vào thực hiện kinh tế tuần hoàn và đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định cơ bản của pháp luật bảo vệ môi trường. Trong bối cảnh nguồn lực có hạn, một số nhóm ngành, lĩnh vực ưu tiên cần tập trung gồm: nông nghiệp, lâm nghiệp, chế biến gỗ và thủy sản; năng lượng (điện rác); công nghiệp chế biến, chế tạo như nhựa, thực phẩm, dệt may, da giầy, điện và điện tử…; hóa chất (pin, ắc quy, cao su); xây dựng (vật liệu xây dựng) và giao thông vận tải; quản lý chất thải rắn, nước thải. Cùng với đó cần thúc đẩy các lĩnh vực khác như khu đô thị tuần hoàn, khu công nghiệp sinh thái, du lịch; lĩnh vực hỗ trợ cho KTTH như dịch vụ thiết kế sinh thái.

Kết luận và kiến nghị

Phát triển KTTH là cách tiếp cận phù hợp và là giải pháp tất yếu để nâng cao chất lượng tăng trưởng, cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia, bảo đảm sản xuất và tiêu dùng bền vững; góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo; là hạt nhân để thực hiện chủ trương phân bổ, quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, BVMT cho phát triển bền vững trong bối cảnh của thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu. Để thực hiện được KTTH đòi hỏi một tiến trình dài hạn với sự quyết tâm và nỗ lực của toàn hệ thống để từng bước hình thành và vận hành các hoạt động sản xuất, tiêu dùng trong nền kinh tế; đổi mới, sáng tạo trên cơ sở áp dụng những thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0, sự phát triển của công nghệ để thiết lập một chuỗi giá trị gia tăng tuần hoàn với tầm nhìn chia sẻ.

Kết quả nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế của một số quốc gia tiêu biểu về thực hiện KTTH cho thấy, việc thể chế hóa KTTH vào hệ thống chính sách, pháp luật ở Việt Nam là đúng và phù hợp với xu hướng chung của quốc tế. Đặc biệt, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường xác định việc xây dựng Kế hoạch hành động Quốc gia về thực hiện KTTH là phù hợp. Từ các kinh nghiệm quốc tế kể trên, có thể thấy việc thể hiện lộ trình bằng Kế hoạch hành động Quốc gia của Việt Nam là phù hợp với xu hướng quốc tế. Có 02 cách tiếp cận chính sách để xây dựng KTTH hiện nay, đó là: (i) Tiếp cận theo khu vực kinh tế và (ii) Tiếp cận theo các nhóm ngành, sản phẩm, nguyên liệu hoặc vật liệu. Cả hai cách tiếp cận này cần được nghiên cứu và đề xuất cho Việt Nam. Các bài học kinh nghiệm gợi ý cho Việt Nam như sau:

Một là, hoàn thiện hệ thống pháp luật, trong đó quy định cụ thể về các mục tiêu, nhiệm vụ phải thực hiện; Các biện pháp khuyến khích và nâng cao trách nhiệm, tính hiệu quả trong phối hợp của các bên liên quan. Cần xem xét sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật khác như thuế BVMT, thuế GTGT, pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng, pháp luật về đầu tư công để thúc đẩy áp dụng KTTH vào thực tiễn. Cùng với đó, việc xây dựng lộ trình với các ưu tiên cụ thể và thành lập cơ quan điều phối liên ngành để lồng ghép các mục tiêu, giải pháp và chiến lược có liên quan của KTTH vào hệ thống tiêu chuẩn của các ngành, lĩnh vực là hết sức cần thiết.

Hai là, xây dựng và ban hành Kế hoạch hành động chi tiết và lộ trình thực hiện cho quá trình chuyển đổi từ kinh tế tuyến tính sang KTTH. Hành động cụ thể theo từng nhiệm vụ, từng ngành bao gồm các nội dung hành động của tiến trình

thực hiện KTTH như: thiết kế sản phẩm, quy trình sản xuất, tiêu dùng sản phẩm, quản lý chất thải, quản lý nguyên liệu thứ cấp, các ngành ưu tiên, đổi mới đầu tư và các sáng kiến mới.

Ba là, doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm trong thực hiện KTTH, cùng với việc tham gia các chương trình của chính phủ, của tổ chức phi chính phủ hỗ trợ trong quá trình chuyển đổi cũng như sự tự nguyện đổi mới, sáng kiến BVMT, tiết kiệm tài nguyên và nâng cao năng lực cạnh tranh;

Bốn là, chia sẻ kinh nghiệm thành công và kết nối mọi thành phần xã hội cùng tham gia: cần có những diễn đàn, website uy tín của Chính phủ, những chương trình tuyên dương chia sẻ kinh nghiệm của các tổ chức, doanh nghiệp thành công trong quá trình chuyển đổi sang KTTH để truyền cảm hứng và ý thức BVMT, kết nối thúc đẩy các thành phần xã hội tự nguyện tham gia thực hiện KTTH trong mọi hoạt động

Năm là, xây dựng khung giám sát trên tiến trình chuyển đổi sang nền KTTH Việc chuyển đổi sang KTTH không giới hạn ở một số vật liệu hoặc lĩnh vực nhất định. Đó là một sự thay đổi hệ thống ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế và liên quan đến tất cả các sản phẩm và dịch vụ. Tuy nhiên, các quốc gia thường bắt đầu thực hiện KTTH với 1 số ngành, linh vực ưu tiên, để làm tiền đề mở rộng sau;

Sáu là, xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về KTTH. Tất cả các khu vực và bộ phận cần tích cực hỗ trợ thiết lập hệ thống thông tin KTTH và hệ thống dịch vụ tư vấn kỹ thuật và công bố kịp thời thông tin về công nghệ, quản lý và chính sách kinh tế cho xã hội, và thực hiện tư vấn thông tin, chuyển giao công nghệ và đào tạo.

Đặc biệt, để KTTH từng bước đi vào cuộc sống, trong ngắn hạn, Việt Nam cần tập trung đưa các quy định trong Luật BVMT, ưu tiên xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia, bộ tiêu chí chung ở cấp quốc gia, tiêu chí đối với các ngành, lĩnh vực và đối với từng loại hình dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các chính sách đặc thù để khuyến khích thực hiện KTTH; đưa những công cụ chính sách có vai trò thúc đẩy áp dụng KTTH vào thực tiễn. Hình thành, vận hành cơ quan điều phối, xây dựng nền tảng kết nối thông tin, chia sẻ cơ chế, chính sách, bài học kinh nghiệm về áp dụng KTTH. Khuyến khích sự tham gia của các tổ chức khoa học và công nghệ, hiệp hội nghề nghiệp tham gia vào tư vấn, đánh giá thực hiện KTTH.

Đối với một quốc gia có thu nhập trung bình thấp như Việt Nam, việc chuyển đổi sang KTTH có thuận lợi lớn nhất được chỉ ra là đã tạo dựng được nền tảng về định hướng, pháp luật, sự hưởng ứng tích cực của các Bộ, ngành và địa phương trong việc thực hiện KTTH. Tuy nhiên, trước một vấn đề mới trong bối cảnh hạn chế về thể chế, hạ tầng, khoa học và công nghệ, nhận thức đòi hỏi Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các chính sách, pháp luật để đưa chủ trương này vào thực tiễn. Dựa theo cách tiếp cận dựa vào thị trường, xem xét các công cụ chính sách theo các khía cạnh khác nhau, cách phân loại khác nhau cho thấy mặc dù còn một số chính sách cần tiếp tục hoàn thiện nhưng kết quả cho thấy Việt Nam cơ bản đã xây dựng được bộ công cụ chính sách đầy đủ. Tuy nhiên, vấn đề hiệu lực và hiệu quả của các công cụ chính sách là bài toán khó trong thời gian tới. Do đó, để thực hiện được các đề xuất chính sách ở trên trong ngắn hạn Việt Nam cần tập trung đưa các quy định trong Luật BVMT, đặc biệt là cần thiết phải xây dựng kế hoạch hành động quốc gia, bộ tiêu chí chung ở cấp quốc gia, tiêu chí đối với các ngành, lĩnh vực và đối với từng loại hình dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các chính sách đặc thù để khuyến khích thực hiện KTTH; đưa những công cụ chính sách có vai trò thúc đẩy áp dụng KTTH vào thực tiễn. Hình thành, vận hành cơ quan điều phối, xây dựng nền tảng kết nối thông tin, chia sẻ cơ chế, chính sách, bài học kinh nghiệm về áp dụng KTTH. Khuyến khích sự tham gia của các tổ chức khoa học và công nghệ, hiệp hội nghề nghiệp tham gia vào tư vấn, đánh giá thực hiện KTTH. Bên cạnh đó, cần xem xét sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật khác như thuế BVMT, thuế GTGT, pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng, pháp luật về đầu tư công để thúc đẩy áp dụng KTTH vào thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

[*] Thành viên nhóm Nghiên cứu mạnh về kinh doanh, thương mại và phát triển bền vững; Học viện Nông nghiệp Việt Nam

[1] Đảng cộng sản Việt Nam, "Chiến lược phát triển KTXH 2021 - 2020," Hà Nội, 2021.

[2] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, Luật Bảo vệ môi trường, Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021.

[3] Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

[4] Andrew Morl, Delivering the circular economy: a toolkit for policymakers, Foundation Ellen MacArthur, 2015.

[5] European Commission, Communication from the commission to European paliament, the council, the european economic and social comittee and the committee of regions: on a monitoring framework for the circular economy, Strasbourg,: European Commission,, 2018.

[6] William McDonough, Circular Economy in Cities Evolving the model for a sustainable urban future, Switzerland : World Economic Forum, 2018.

[7] UNEP, Towards a green economy: monitoring the Transition Towards a Green Economy, UNEP, 2011.

[8] European Recycling Platform, "Circular Economy: Roles and Responsibilities for involved stakeholders," https://erp-recycling.org/wp-content/uploads/2017/11/ERP-Circular-Economy-Roles-and-Responsibilities.pdf, 2017.

Phụ lục 1. Tổng hợp lộ trình, tổ chức thực hiện KTTH trên thế giới

Quốc gia	Căn cứ pháp lý	Cơ quan ban hành	Mốc thời gian	Mục tiêu	Các lĩnh vực chính
Liên minh Châu Âu	Kế hoạch hành động cho Kinh tế tuần hoàn	Ủy ban châu Âu EC	Không có mốc thời gian cụ thể nhưng mục tiêu chung EU đặt ra là đạt được mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học năm 2050	Biến các sản phẩm bền vững trở thành tiêu chuẩn chung ở EU; Trao quyền cho người tiêu dùng và người mua; Tập trung vào các lĩnh vực sử dụng nhiều tài nguyên nhất và có tiềm năng tuần hoàn cao như: điện tử, công nghệ thông tin và truyền thông, pin, xe cộ, bao bì, nhựa, dệt may, xây dựng, thực phẩm và nước; Đảm bảo việc phát sinh ít chất thải hơn; Áp dụng kinh tế tuần hoàn ở tất cả các cấp độ từ cá nhân cho đến vùng, thành phố; Dẫn đầu xu thế toàn thế giới trong việc chuyển đổi sang kinh tế tuần hoàn.	Hóa chất Kinh tế tuần hoàn Kinh tế tuần hoàn ở cấp độ toàn cầu Công nghiệp Ngành nhựa Phát triển bền vững Chất thải và tái chế
Hà Lan	Chương trình "Nền kinh tế tuần hoàn ở Hà Lan vào năm 2050"	Chính phủ Hà Lan	2030	Giảm 50% sử dụng các nguyên liệu thô sơ cấp (khoáng sản, hóa thạch và kim loại)	Sinh khối và thức ăn Nhựa Công nghiệp sản xuất Xây dựng Hàng tiêu dùng
			2050	Nguyên liệu thô sẽ được sử dụng và tái sử dụng một cách hiệu quả mà không có bất kỳ khí thải độc hại nào bị thải ra môi trường	

Quốc gia	Căn cứ pháp lý	Cơ quan ban hành	Mốc thời gian	Mục tiêu	Các lĩnh vực chính
Phần Lan	Chiến lược "Phần Lan hướng tới nền kinh tế tuần hoàn 2016-2025"	Sitra	2025	Trở thành nước dẫn đầu toàn cầu về kinh tế tuần hoàn với các mục tiêu: - Đổi mới nền tảng của khả năng cạnh tranh - Chuyển sang năng lượng carbon thấp - Tài nguyên thiên nhiên được coi là khan hiếm - Các quyết định hàng ngày khi thực hiện đều phải coi như một động lực để thay đổi	Hệ thống lương thực bền vững Vòng lặp dựa vào hệ sinh thái rừng Vòng lặp kỹ thuật Vận tải và hậu cần Các hành động chung.
Pháp	Lộ trình kinh tế tuần hoàn của Pháp: 50 biện pháp cho nền kinh tế 100%tuần hoàn	Bộ Sinh thái (Ministry for Ecological and Solidary Transition)	2025	Giảm 50% lượng chất thải không nguy hại được chôn lấp so với năm 2010 100% nhựa được tái chế	Sản xuất tốt hơn Tiêu thụ tốt hơn, Quản lý chất thải tốt hơn Thu hút tất cả các bên liên quan
			2030	Giảm 30% tiêu thụ tài nguyên so với GDP năm 2010	
Đức	Chương trình Hiệu quả Tài nguyên II: Chương trình sử dụng bền vững và bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên	Bộ Liên bang về Môi trường, Bảo tồn Thiên nhiên, Xây dựng và An toàn Hạt nhân	2020	Tăng gấp đôi năng suất nguyên liệu thô của Đức vào năm 2020 so với năm 1994 bằng cách: -Kết hợp nhu cầu sinh thái với các cơ hội kinh tế, trọng tâm đổi mới và trách nhiệm xã hội -Nhìn nhận nhiệm toàn cầu như một hướng dẫn chính của chính sách tài nguyên quốc gia -Làm cho các hoạt động kinh tế và sản xuất ở Đức ngày càng phụ thuộc ít hơn vào các nguồn tài nguyên sơ cấp, đồng thời phát triển kinh tế tuần hoàn -Đảm bảo việc sử dụng tài nguyên bền	Tài nguyên sinh học và phi sinh học, không gian vật lý (như đất), môi trường (nước, đất và không khí), tài nguyên dòng chảy (như địa nhiệt, gió, thủy triều và năng lượng mặt trời), và tất cả các sinh vật sống.

Quốc gia	Căn cứ pháp lý	Cơ quan ban hành	Mốc thời gian	Mục tiêu	Các lĩnh vực chính
				vững trong dài hạn bằng cách hướng dẫn xã hội hướng tới việc tăng trưởng có chất lượng;	
Úc	Lộ trình quốc gia về nền kinh tế tuần hoàn đối với nhựa, thủy tinh, giấy và lốp xe	Cơ quan Khoa học Quốc gia Úc	2022	**Nhựa:** - Mua sắm của chính phủ - Công nghệ phân loại - Đầu tư cơ sở hạ tầng - Phát triển các tiêu chuẩn và ngành công nghiệp cam kết làm tăng nhu cầu thị trường **Thủy tinh:** - Phân loại tại nguồn thủy tinh không nhiễm bẩn - Hợp pháp hóa các tiêu chuẩn trực tuyến và nguyên tắc cần tuân thủ **Giấy:** - Phân loại tại nguồn giấy không bị nhiễm bẩn - Hài hòa các tiêu chuẩn hiện có - Nhu cầu nội địa mới về các sản phẩm giấy được thu hồi **Lốp xe:** -Quản lý lốp xe phù hợp, tiêu chuẩn chất lượng và tăng thuế nhập khẩu - Tính phí tái chế để tài trợ cho cơ sở hạ tầng tái chế	Nhựa Thủy tinh Giấy Lốp xe

Quốc gia	Căn cứ pháp lý	Cơ quan ban hành	Mốc thời gian	Mục tiêu	Các lĩnh vực chính
			2025	**Nhựa:** - Các dự án trình diễn theo vùng đã cải thiện dữ liệu trên toàn bộ chuỗi cung ứng, thống nhất việc ghi nhãn nhất quán và nhu cầu giáo dục người tiêu dùng **Thủy tinh:** -Đổi mới trong các sản phẩm tái chế và chế biến -sự gia nhập của các doanh nghiệp vừa và nhỏ **Giấy:** - Cơ sở khu vực để tái chế sợi - 100% bao bì để tái sử dụng, tái chế hoặc làm phân trộn - Mục tiêu quốc gia và theo dõi dữ liệu **Lốp xe:** -Cấm vứt bỏ lốp xe -hài hòa sự quản trị quốc gia -thông số kỹ thuật cho vật liệu tái chế -chính sách mua sắm và khuyến khích tài chính cho việc sử dụng vật liệu tái chế	

Quốc gia	Căn cứ pháp lý	Cơ quan ban hành	Mốc thời gian	Mục tiêu	Các lĩnh vực chính
			2030	**Nhựa:** -Tiêu chuẩn hóa hợp đồng chất thải, tỷ lệ thu hồi nhựa 80%, tái chế nguyên liệu thô quy mô thương mại **Thủy tinh:** -Phục hồi 80% thủy tinh - Giảm đầu vào nguyên liệu thô xuống dưới 20% - coi tái chế là một dịch vụ thiết yếu **Giấy:** -Tỷ lệ phục hồi 80% -Đưa Úc trở thành trung tâm sinh thái về giấy -Các giải pháp tái chế giấy chất lượng thấp của Úc được áp dụng trên toàn cầu **Lốp xe:** -Tỷ lệ phục hồi 100% -các nền tảng thị trường mới cho hệ sinh thái công nghiệp, hậu cần ngược, công viên đổi mới...	
Đan Mạch	Chiến lược Quốc gia về Kinh tế Tuần hoàn	Bộ Môi trường và Thực phẩm Đan Mạch	2022	Tăng cường vai trò của doanh nghiệp như một động lực để chuyển đổi tuần hoàn -Hỗ trợ nền kinh tế tuần hoàn thông qua dữ liệu và số hóa -Thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn thông qua thiết kế -Thay đổi mô hình tiêu dùng thông qua nền kinh tế tuần hoàn	Vườn ươm doanh nghiệp, Công ty khởi nghiệp, Thiết kế tuần hoàn, Xây dựng, Tòa nhà và Cơ sở hạ tầng, Giải pháp kỹ thuật số, Trao quyền cho người tiêu dùng, Tái

Quốc gia	Căn cứ pháp lý	Cơ quan ban hành	Mốc thời gian	Mục tiêu	Các lĩnh vực chính
				-Tạo ra một thị trường hoạt động thích hợp cho chất thải và nguyên liệu thô tái chế -Thu hồi được nhiều giá trị hơn từ các tòa nhà xây dựng và sinh khối	chế, Quản lý chất thải & Nguyên liệu thô
Thái Lan	Khung chính sách Công nghệ sinh học và Chiến lược và Chiến lược phát triển ngành công nghiệp sinh học của Thái Lan	Chính phủ Thái Lan	2037	Nền kinh tế dựa trên sinh học, bao gồm năng lượng sinh học, hóa chất sinh học và dược phẩm sinh học, được dự báo sẽ đóng góp tới 10% vào GDP quốc gia	Sinh học
	Lộ trình Quản lý Chất thải Nhựa	Chính phủ Thái Lan	2027	Tái chế tất cả chất thải nhựa	Nhựa

Phụ lục 2. Hệ thống hóa các quan điểm, chủ trương về KTTH được đề cập trong hệ thống các văn kiện, văn bản của Đảng và Nhà nước thời gian qua

STT	Tên văn kiện, văn bản của Đảng, Nhà nước	Nội dung đề cập
I	**Trước Đại hội XII của Đảng**	
1	Chỉ thị 36/1998/CT-TW ngày 25/06/1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác BVMT trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước	Chưa đề cập đến KTTH, chưa nhấn mạnh đến các giải pháp căn bản của KTTH như tái chế, tái sử dụng nhưng bước đầu có một số định hướng liên quan như: Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào quần chúng bảo vệ môi trường như phong trào Xanh - Sạch - Đẹp, Vườn - Ao - Chuồng (VAC), Vường - Ao - Chuồng - Rừng (VACR), Tuần lễ nước sạch và vệ sinh môi trường, gia đình văn hoá, vệ sinh tốt ... - Áp dụng công nghệ sạch, ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu và năng lượng.
2	Nghị quyết 41-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2004 của Bộ Chính trị về BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH	Chưa đề cập đến KTTH nhưng đã nhấn mạnh đến các giải pháp, mô hình liên quan đến KTTH như: Khuyến khích sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; sản xuất và sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, các sản phẩm và bao bì sản phẩm không gây hại hoặc ít gây hại đến môi trường; tái chế và sử dụng các sản phẩm tái chế. Nhiệm vụ cụ thể với vùng đô thị "Thu gom và xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp bằng các phương pháp thích hợp, trong đó ưu tiên cho việc tái sử dụng, tái chế chất thải, hạn chế tối đa khối lượng rác chôn lấp, nhất là với các đô thị thiếu mặt bằng làm bãi chôn lấp"
3	Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 06 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường	Chưa đề cập đến KTTH nhưng đã nhấn mạnh đến các giải pháp, mô hình liên quan đến KTTH như: Thúc đẩy tái sử dụng, tái chế và sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải.
II	**Giai đoạn thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng**	
5	Nghị quyết số 55-NQ/TW	Thực thi chính sách BVMT ngành năng lượng gắn với mục tiêu giảm phát thải KNK, thúc đẩy KTTH và phát triển bền vững - Xây dựng và triển khai Đề án tích hợp mô hình KTTH vào chiến lược phát triển các doanh nghiệp năng lượng.
4	Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường	Cần đặt yêu cầu về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển; Không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế; Tập trung xử lý ô nhiễm môi trường, phấn đấu từ sau năm 2020 chất lượng môi trường được cải thiện năm sau cao hơn năm trước, nhất là ở các đô thị, thành phố lớn Thực hiện phân loại các chất thải tại nguồn, nhất là rác thải sinh hoạt.

STT	Tên văn kiện, văn bản của Đảng, Nhà nước	Nội dung đề cập
6	Chương trình mục tiêu Quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2030	- Quan điểm đưa ra là thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững - Hỗ trợ xây dựng và áp dụng phổ biến và nhân rộng các mô hình kinh tế tuần hoàn tài nguyên, nhiên liệu, nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất và tiêu dùng. - Thúc đẩy áp dụng kinh tế tuần hoàn đối với chất thải + Đẩy mạnh áp dụng, phổ biến và nhân rộng các mô hình phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải, phế liệu; xây dựng tài liệu, đào tạo, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các mô hình kinh tế tuần hoàn đối với chất thải, cụ thể chất thải trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, điện tử, hóa chất, nhiệt điện, nhựa, giấy, vật liệu xây dựng và chất thải của các ngành kinh tế khác; + Đẩy mạnh kết nối cung cầu, phát triển thị trường về sản phẩm và công nghệ môi trường, sản phẩm và công nghệ tái chế và công nghệ các bon thấp; + Từng bước xây dựng và áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực tiêu dùng, khuyến khích chuyển đổi từ việc tiêu dùng và sở hữu hàng hóa sang tiêu dùng và sử dụng dịch vụ trong cuộc sống.
III	**Sau Đại hội lần thứ XIII của Đảng đến nay**	
1	Văn Kiện Đại hội 13 của Đảng	
1.1	Chiến lược phát triển KTXH 2021 – 2030	khuyến khích phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn để sử dụng tổng hợp và hiệu quả đầu ra của quá trình sản xuất
1.2	Báo cáo Kế hoạch 5 năm KTXH 2016-2020, đề xuất 20[8]	Xây dựng lộ trình, cơ chế, chính sách, pháp luật để hình thành, vận hành mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.
2	KTTH từng bước được lồng ghép vào các Nghị quyết, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước	
2.1	Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến 2030, tầm nhìn đến 2045.	Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), giảm phát thải khí nhà kính… Khuyến khích phát triển nông nghiệp tuần hoàn, tái sử dụng phụ phẩm, áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện môi trường; thu hút doanh nghiệp đầu tư xử lý nước thải, chất thải rắn, trước hết là tại các làng nghề, cụm công nghiệp, dịch vụ, khu xử lý rác tập trung.
2.2	Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của	- ưu tiên phát triển các tổ chức kinh tế tập thể gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức - Có chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng khoa học - công nghệ, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, nông nghiệp hữu cơ, thích ứng biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho kinh tế tập thể, bảo đảm thống nhất, đồng bộ.

[8] Nghị quyết 16/2021/QH15 ngày 27 tháng 7 năm 2021 về Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025

STT	Tên văn kiện, văn bản của Đảng, Nhà nước	Nội dung đề cập
	kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.	
3	Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình	Có chính sách đột phá, ưu tiên khuyến khích đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với PTBV
4	Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 1 năm 2022 về chương trình phục hồi và phát triển KT-XH và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình	tiếp tục nghiên cứu, triển khai các giải pháp đột phá, khuyến khích đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với phát triển bền vững;
5	Thủ tướng Chính phủ	
5.1	KTTH được lồng ghép vào một số chiến lược phát triển	Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2045[9]
		Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050[10]
		Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030[11]
		Chiến lược Quốc gia xuất, nhập khẩu[12]
5.2	Quyết định số 687/2022/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam	Các mục tiêu cụ thể được chỉ ra gồm: (i) góp phần cụ thể hóa mục tiêu giảm cường độ phát thải khí nhà kính; (ii) tăng cường nhận thức, sự quan tâm đầu tư của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước đối với mô hình KTTH; (iii) đẩy mạnh ứng dụng mô hình KTTH thúc đẩy xanh hóa các ngành kinh tế; (iv) mô hình KTTH hỗ trợ xây dựng lối sống xanh, khuyến khích phân loại rác thải và thúc đẩy tiêu dùng bền vững; (v) Mô hình KTTH góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống và khả năng chống chịu của người dân với biến đổi khí hậu, đảm bảo bình đẳng về điều kiện, cơ hội phát huy năng lực, cải thiện năng suất lao động và thu nhập của người lao động từ KTTH.

[9] Đẩy mạnh chương trình khuyến nông chăn nuôi theo chuỗi khép kín, kinh tế tuần hoàn

[10] Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước.

[11] Chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa các ngành kinh tế, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng bền vững để nâng cao Chất lượng tăng trưởng, phát huy lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

[12] Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu theo chiều sâu, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tăng tỷ trọng các sản phẩm xuất khẩu có giá trị gia tăng, có hàm lượng khoa học - công nghệ, hàm lượng đổi mới sáng tạo cao, các sản phẩm kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các sản phẩm thân thiện với môi trường.